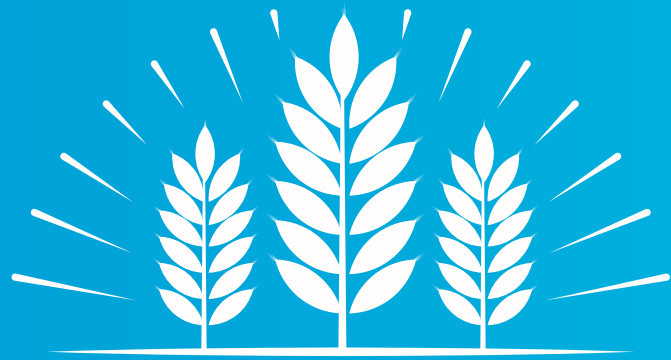


CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG



RICE

EST. 1976

ANGIMEX



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG



Số 01 Ngõ Gia Tự, Phường Mỹ Long,
Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam
Điện thoại: (0296) 3 841 548
Mail: info@angimex.com.vn
Website: www.angimex.com.vn

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2020



MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN CHUNG	05	IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	47
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	19	V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	53
III.	BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	35	VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2020	63





Chương I . **THÔNG TIN CHUNG**

- » *Thông tin khái quát*
- » *Quá trình hình thành và phát triển*
- » *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*
- » *Sơ đồ tổ chức*
- » *Định hướng phát triển*
- » *Các rủi ro*



01 Thông tin khái quát



Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG	Trụ sở chính:	Số 01 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam.
Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG	Điện thoại:	(0296) 3842 625
Tên viết tắt:	ANGIMEX	Fax:	(0296) 3843 239
Tên Tiếng Anh:	ANGIANG IMPORT-EXPORT COMPANY	Email:	info@angimex.com.vn
Mã cổ phiếu:	AGM	Website:	www.angimex.com.vn
Vốn điều lệ:	182.000.000.000 đồng	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	Số 1600230737 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 03 tháng 12 năm 2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

1998-2006

Công ty thành lập đại lý ủy nhiệm của Honda Việt Nam kinh doanh xe gắn máy và phụ tùng Honda. Tiếp theo, năm 2000, Công ty thành lập đại lý ủy nhiệm thứ hai và năm 2006, thành lập đại lý ủy nhiệm thứ ba.

2007

Công ty góp vốn với các Công ty Satra, Saigon Co.op và Afiex thành lập Công ty TNHH Sài Gòn - An Giang (Sagico) kinh doanh bán lẻ qua siêu thị hiện đại được thành lập đầu tiên tại An Giang.

2008

01/01/2008, Công ty chuyển sang CTCP với vốn điều lệ là 58 tỷ đồng. Công ty thành lập Nhà máy Gạo an toàn, thương hiệu gạo Jasmine Châu Phú xuất hiện trên thị trường, hợp tác giữa Angimex và Saigon Co.op.

2009

Nhãn hàng gạo An Gia, Mực Đồng của Angimex ra mắt thị trường nội địa

2010

Hoàn thành dự án “Kho trữ lúa, hệ thống sấy lúa tươi, xay xát” tại xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, An Giang (Phân xưởng Ba Thê); đồng thời chuyển đổi Nhà máy Gạo an toàn thành Xí nghiệp sản xuất và kinh doanh Gạo an toàn.

1976 - 1991**1976**

Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang tiền thân là Công ty Ngoại thương An Giang được thành lập vào năm 1976 theo Quyết định số 73/QĐ-76 do Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 23/7/1976.

1982

Công ty thành lập Trạm giao nhận tại thành phố Hồ Chí Minh.

1988

Công ty được Bộ Kinh tế đối ngoại cho phép kinh doanh xuất khẩu gạo trực tiếp.

1991

Công ty góp vốn với Công ty Nhật bản Kitoku Shinryo thành lập Công ty Liên doanh Angimex - Kitoku để sản xuất và kinh doanh xuất khẩu gạo hạt tròn và gạo chất lượng cao.

1998 - 2010**2011 - 2012****2011**

14/02, Công ty tăng vốn điều lệ lên 174,855 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng. Tháng 04, Công ty tăng vốn điều lệ lên 182 tỷ đồng thông qua chương trình phát hành cổ phiếu ưu đãi cho cán bộ nhân viên (ESOP).

Tháng 07, Công ty là đơn vị đầu tiên được Bộ Công thương cấp phép theo Nghị định 109 của Chính phủ về việc xem xét đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo.

2012

Hoàn thành Dự án “Kho trữ lúa, hệ thống sấy lúa tươi, xay xát và sản xuất thành phẩm” tại xã Bình Thành, huyện Thoại Sơn và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 04/2012. Công ty khai trương Cửa hàng gạo Angimex tại Tp. Long Xuyên.

14/12/2012, cổ phiếu của Công ty bắt đầu giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) với mã cổ phiếu là AGM, vốn điều lệ là 182 tỷ đồng.

02

**Quá trình
hình thành
và phát triển****2015**

07/2015, Nhà máy sản xuất và chế biến lúa gạo Đa Phước đi vào hoạt động.

09/2015 Phòng huấn luyện nội bộ thuộc Trung tâm Thương mại - Dịch vụ Angimex được Honda Việt Nam cấp giấy chứng nhận là Trung tâm huấn luyện do Honda Việt Nam ủy nhiệm.

09/2015, khởi công xây dựng Cửa hàng TMDV Angimex Châu Đốc.

12/2015 Sản phẩm gạo của Công ty tiếp tục được người tiêu dùng bình chọn “Hàng Việt Nam chất lượng cao 2015”.

2016

01/2016, Angimex đã khai trương TMDV Angimex tại Khu đô thị mới TP. Châu Đốc (phường Vĩnh Mỹ).

23/07, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang tổ chức lễ Kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty.

2018

Ngành TMDV khai trương cửa hàng TMDV Angimex Châu Thành vào ngày 31/08, Cửa hàng TMDV Angimex Châu Phú vào ngày 30/11.

Ngành Kinh doanh mới khai trương cửa hàng A-Store Ung Văn Khiêm vào ngày 10/11 và Cửa hàng A-Store Nguyễn Hữu Cảnh ngày 15/12.

2013 - 2014**2013**

12/2013, sản phẩm gạo của Công ty được người tiêu dùng bình chọn là “Hàng Việt Nam chất lượng cao 2014”. Công ty khởi công xây dựng Trung tâm bảo trì sửa chữa kinh doanh xe gắn máy tại P. Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, An Giang.

2014

Công ty khai trương Trung tâm Thương mại và Dịch vụ Angimex tại phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, An Giang.

Sản phẩm gạo của Công ty tiếp tục được người tiêu dùng bình chọn là “Hàng Việt Nam chất lượng cao 2015”.

Công ty khởi công Nhà máy chế biến lúa gạo Đa Phước tại xã Đa Phước, huyện An Phú, An Giang.

2015 - 2018**2019 - nay****2019**

Ngành Kinh doanh mới khai trương cửa hàng A-Store Nguyễn Trãi ngày 16/11/2019.

Công ty CP Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp (Dasco) trở thành công ty con của Angimex kể từ ngày 01/1/2019.

2020

Thành lập các Công ty con trực thuộc Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang:

- Thành lập Công ty TNHH Lương thực Angimex
- Thành lập Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Angimex
- Và chuyển đổi Dasco từ CTCP sang Công ty TNHH Một thành viên.



Năm	Giải thưởng, Huân chương
Trước 2005	- Huân chương lao động hạng ba (1983)
	- Huân chương lao động hạng nhì (1985)
	- Huân chương lao động hạng nhất (1995)
	- Huân chương độc lập hạng ba (2004)
	- Cùng nhiều bằng khen, chứng nhận của các cấp, bộ, ngành, từ địa phương đến trung ương
2005	- Bằng khen của UBND tỉnh An Giang về những đóng góp trong phong trào thi đua sản xuất lúa chất lượng cao năm 2005.
	- Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc.
	- Đón nhận cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh An Giang trao tặng.
	- Đơn vị chấp hành tốt chính sách thuế 2007 do Bộ Tài chính trao tặng.
	- Đơn vị có nhiều thành tích trong xuất khẩu, kim ngạch xuất khẩu lớn, mức tăng trưởng cao và thu hút nhiều lao động do Bộ Thương mại công nhận.
2006	- Doanh nghiệp văn hóa do UBND tỉnh An Giang trao tặng.
	- Đơn vị có thành tích xuất sắc trong phong trào xanh, sạch, đẹp, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động 2006.
	- Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín do Bộ Công Thương công nhận.
	- Bằng khen của Bộ Tài chính.
2007	- Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam - VNR 500 do Vietnam Report công bố.
	- Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín do Bộ Công Thương công nhận.
	- Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc.
	- Đơn vị chấp hành tốt chính sách thuế 2007 do Tổng Cục trưởng Tổng cục Thuế trao tặng.
2008	- Đơn vị có nhiều thành tích đóng góp trong việc đầu tư, sản xuất, kinh doanh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương do UBND tỉnh An Giang công nhận.
	- Doanh nghiệp tiêu biểu do UBND tỉnh An Giang công nhận.
	- Đơn vị đạt chuẩn văn hóa do UBND tỉnh An Giang công nhận.
	- Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam - VNR 500 do Vietnam Report công bố.
	- Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín do Bộ Công Thương công nhận.
2009	- Tập thể lao động xuất sắc do UBND tỉnh An Giang công nhận.
	- Đơn vị đạt chuẩn văn hóa do UBND tỉnh An Giang công nhận.
	- Bằng khen của Liên đoàn lao động tỉnh An Giang về “Thực hiện chương trình xây dựng đời sống văn hóa trong CNVC - lao động”.
	- Đơn vị đạt chuẩn văn hóa xuất sắc do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam công nhận.
	- Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam - VNR 500 do Vietnam Report công bố.
	- Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín do Bộ Công Thương công nhận.



Năm	Giải thưởng, Huân chương
2010	- Top 500 Thương hiệu Việt 2010 do Liên hiệp Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam chứng nhận.
	- ANGIMEX đứng thứ hạng 180 trong top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (chương trình V - 1000) do Vietnamnet công bố dựa trên kết quả xử lý, kiểm chứng dữ liệu độc lập của Công ty Vietnam Report và sự phối hợp của Tạp chí thuế - Tổng Cục Thuế.
	- Đơn vị có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước tỉnh An Giang giai đoạn 2005 - 2010.
	- Đơn vị có nhiều đóng góp cho quỹ Vì người nghèo tỉnh An Giang 2010 do UBND Tỉnh trao tặng.
	- “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2010 do Bộ Công Thương chứng nhận.
2011	- Cúp vàng Doanh nghiệp Kinh doanh Xuất khẩu uy tín Ngành hàng Lúa Gạo Việt Nam năm 2011 do Ban Tổ chức Festival Lúa Gạo Việt Nam lần II trao tặng.
	- Angimex là Doanh nghiệp đầu tiên trong cả nước được cấp chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo theo Nghị định 109 của Chính Phủ.
	- Angimex xếp thứ hạng 146 trong 1000 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam (tăng 34 bậc so năm 2010) do Vietnam Report xếp hạng.
	- Angimex tiếp tục có mặt trong danh sách Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam do Vietnam Report xếp hạng.
	- Doanh nghiệp có thành tích xuất sắc về công tác an toàn vệ sinh lao động năm 2010 do Cục Trưởng Cục An toàn lao động tặng thưởng.
	- Danh hiệu Doanh nghiệp xuất sắc 2009 - 2010 do UBND tỉnh An Giang trao tặng.
2012	- Đơn vị văn hóa năm 2010 do UBND tỉnh An Giang công nhận.
	- Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2011 do Bộ Công Thương công bố.
	- Vietnam Report công bố Angimex xếp thứ 272 trong Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (tăng 136 bậc so năm 2011) và thứ hạng 102 trong Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (tăng 37 bậc so năm 2011).
	- Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam do Vietnam Report công bố.
	- Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa năm 2011 do UBND tỉnh An Giang công nhận.
2016	- Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc năm 2011 do UBND tỉnh An Giang trao tặng.
	- Tháng 01/2016 Trung tâm phát triển Vùng nguyên liệu của Công ty nhận bằng khen của UBND tỉnh An Giang về việc đã có đóng góp trong việc thực hiện liên kết sản xuất, xây dựng vùng nguyên liệu theo mô hình “Cánh đồng lớn” tại An Giang giai đoạn 2011- 2015.
	- Tháng 06/2016, Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang (Angimex) được Honda Việt Nam vinh danh trong Top 45 Công ty hoạt động xuất sắc năm 2015, trong tổng số 480 công ty có HEAD đang hoạt động trên cả nước.
	- Bằng khen của UBND tỉnh An Giang về thành tích: Đã thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế, đóng góp nhiều cho ngân sách địa phương năm 2019.
2020	- Bằng Tuyên dương của Cục Thuế tỉnh An Giang về thành tích: Thực hiện tốt chính sách, pháp luật thuế năm 2019.
	- Danh hiệu: Hàng Việt Nam chất lượng cao 2020 do người tiêu dùng bình chọn.

04 ➤ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Kinh doanh lúa gạo (Angimex Food)

Angimex Food luôn không ngừng nâng cao sản lượng và chất lượng gạo cung cấp cho thị trường trong nước và ngoài nước; và được trang bị máy móc, dây chuyền sản xuất hiện đại, hệ thống kiểm soát chất lượng chặt chẽ nhằm cung cấp các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng đáp ứng nhu cầu của khách hàng

Địa bàn kinh doanh:

- » Nội địa: Angimex Food cung cấp cho thị trường trong nước các sản phẩm gạo thông qua hệ thống đại lý, cửa hàng của Angimex Food và mạng lưới các siêu thị, cửa hàng tiện lợi trên toàn quốc
- » Xuất khẩu: Hiện nay, Angimex Food xuất khẩu gạo đến các thị trường chủ yếu như Châu Âu, Châu Á, Châu Phi và nhiều quốc gia khác trên thế giới

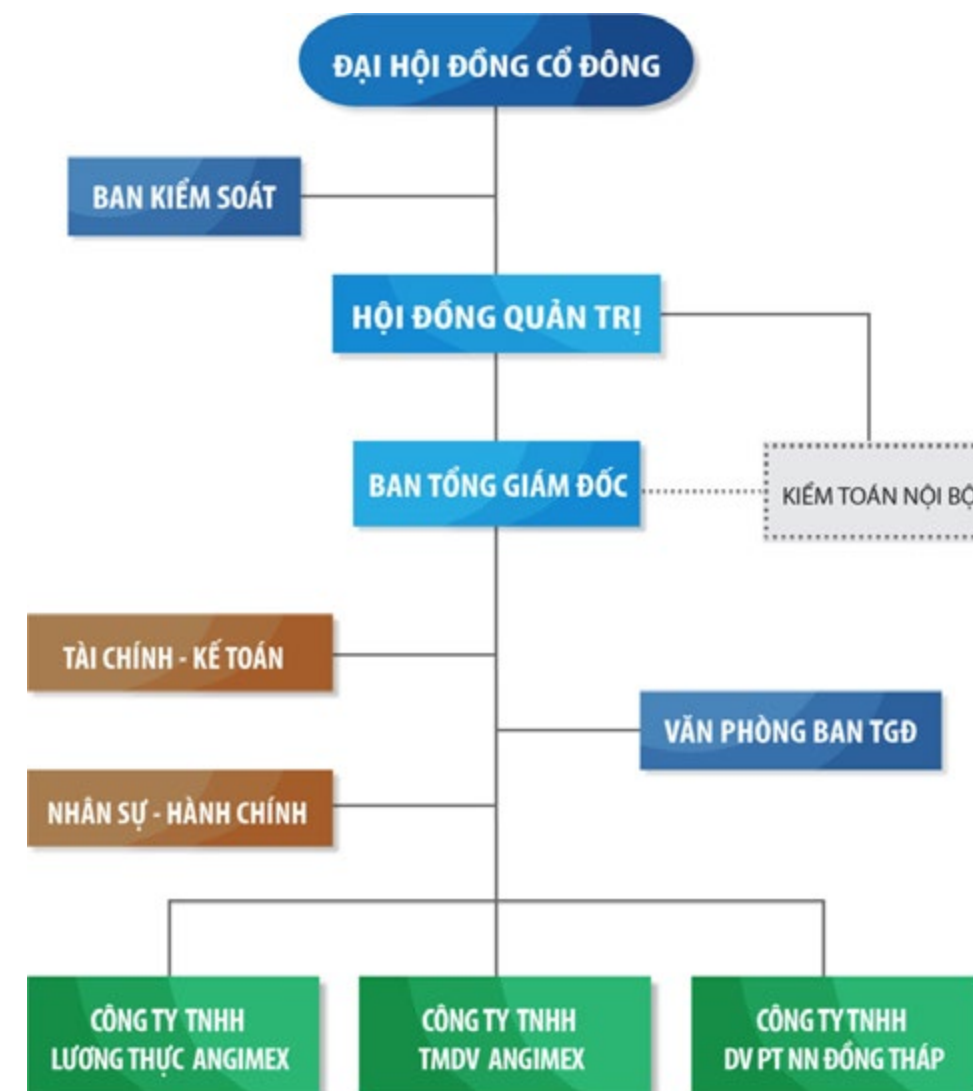
Kinh doanh thương mại - dịch vụ (Angimex Trading)

Ngành kinh doanh thương mại - dịch vụ của Angimex chủ yếu là kinh doanh xe máy. Công ty Cổ Phần Xuất nhập khẩu An Giang mở rộng ngành kinh doanh xe gắn máy từ năm 1998 với hình thức mua xe trực tiếp từ Công ty Honda Việt Nam và phân phối lại cho người tiêu dùng. Hiện Công ty đã phát triển được 03 HEAD do Honda Việt Nam ủy nhiệm, 01 Wing Service, 01 Trung tâm bảo dưỡng và dịch vụ, 05 cửa hàng thương mại dịch vụ

Ngành vật tư nông nghiệp (Dasco)

Ngành vật tư nông nghiệp của Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và lúa giống với năng lực sản xuất phân vi sinh đạt 1.000.000 lít/năm, phân bón lá đạt 1.000 tấn/năm, phân bón vô cơ đạt 15.000 tấn/năm, lúa giống 3.000 tấn/năm và chiếm 50% thị phần về các sản phẩm phân bón lá và 10% thị phần lúa giống tại Đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh Miền Đông Nam Bộ.

05 ➤ Sơ đồ tổ chức



Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

STT	Tên công ty	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu
Công ty con			
1	Công ty TNHH Lương thực Angimex (Angimex Food)	Kinh doanh lương thực	100%
2	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Angimex (Angimex Trading)	Mua bán xe gắn máy và phụ tùng; và dịch vụ sửa chữa.	100%
3	Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp (Trước đây là CTCP Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp) (DASCO)	Sản xuất phân bón, thuốc BVTV, lúa giống	100%
Công ty liên doanh, liên kết			
1	Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - An Giang (SAGICO)	Siêu thị	25%
2	Công ty TNHH Angimex - Kitoku	Xuất nhập khẩu gạo	32,96%

07 Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang định hướng phát triển trở thành doanh nghiệp hàng đầu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. “Chung tay xây dựng, tạo ra những giá trị mới, nâng cao mức sống của người dân tại Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và An Giang nói riêng” là hoài bão và trách nhiệm trong suốt quá trình sản xuất kinh doanh của công ty.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- » Giữ sản lượng tiêu thụ lúa gạo hàng năm, tăng xuất khẩu gạo chất lượng cao vào các thị trường cao cấp. Nghiên cứu sản phẩm mới bột gạo và bánh gạo.
- » Mở rộng quy mô kinh doanh thương mại dịch vụ.
- » Gia tăng các sản phẩm phân bón hữu cơ trong sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp.
- » Xây dựng vùng nguyên liệu sạch và an toàn theo tiêu chuẩn châu Âu, Mỹ (FDA).
- » Cải tiến thiết bị, công nghệ, hệ thống quản lý theo hướng tự động và chuyên môn hóa.

Các mục tiêu phát triển bền vững:

Angimex chú trọng việc cải tiến công nghệ, nâng cấp, đầu tư mới trang thiết bị để tăng hiệu quả sản xuất. Ngoài ra, tất cả các nhà máy chế biến đều được đánh giá tác động môi trường, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư



08 Các rủi ro

Rủi ro kinh tế**Rủi ro về tốc độ tăng trưởng**

Từ đầu năm 2020, kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng đều đã chịu ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, làm đình trệ các hoạt động sản xuất, gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu.

Theo Tổng cục Thống kê, GDP năm 2020 của Việt Nam tăng 2,91%, trong đó tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt 543,9 tỷ USD, tăng 5,1% so với năm trước. Mặc dù nước ta vẫn duy trì mức tăng trưởng khả quan trong khi nền kinh tế thế giới ảm đạm, đây là mức tăng trưởng thấp nhất trong giai đoạn 2011 - 2020, dù vậy Việt Nam vẫn được xem là một trong số ít những quốc gia trên thế giới đạt mức tăng trưởng dương trong bối cảnh dịch bệnh nhờ những nỗ lực của Chính phủ trong công tác ngăn chặn dịch bệnh lây lan đã giúp cho nền kinh tế Việt Nam nhanh chóng phục hồi.

Bên cạnh những rủi ro thách thức, Chính phủ đã tích cực đàm phán và ký kết các hiệp định thương mại như CPTPP, EVFTA, UKFTA. Những hiệp định này mở ra cơ hội cho những doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam nói chung và AGM nói riêng, đặc biệt là mặt hàng gạo với những chính sách ưu đãi về thuế.

Tuy nhiên dịch bệnh Covid-19 có nguy cơ bùng phát trở lại có khả năng làm ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của kinh tế Việt Nam. Công ty không chủ quan mà luôn theo dõi, quan sát tình hình thực tế và lên kế hoạch ứng phó chi tiết nhằm hạn chế các tác động tiêu cực từ nền kinh tế.

Rủi ro lạm phát

Khi lạm phát tăng, chi phí nguyên liệu sản xuất tăng vọt, giá sản phẩm đầu ra cũng tăng, làm giảm sản lượng tiêu thụ. Tất cả các yếu tố này làm ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty. Trong những năm gần đây, lạm phát luôn được kiểm soát và duy trì ở mức thấp, dưới 4%/năm, CPI bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với 2019. Dưới tác động của dịch Covid-19 đã tạo nên những biến động trong giá cả hàng hóa, đặc biệt tăng đột biến vào những tháng đầu năm dẫn đến việc kiểm soát lạm phát theo mục tiêu của Quốc hội gặp khó khăn. Xu hướng tăng của lạm phát chủ yếu do giá thịt lợn tăng 57,23% so với năm trước do chưa đảm bảo nguồn cung, giá gạo tăng 5,41% nhờ chất lượng gạo được cải thiện, nhu cầu tiêu dùng trong nước và giá xuất khẩu tăng.





Rủi ro kinh tế (tt)

Rủi ro lãi suất

Với các doanh nghiệp, vốn vay là một phần quan trọng để tài trợ cho nhu cầu sử dụng vốn lưu động và thực hiện các dự án đầu tư. Tuy nhiên dịch Covid-19 đã làm cho hoạt động một số doanh nghiệp gián đoạn, ảnh hưởng đến nguồn thu gây khó khăn trong việc chi trả nợ vay cho ngân hàng. Nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và vực dậy nền kinh tế, Ngân hàng nhà nước đã tiến hành nhiều đợt cắt giảm lãi suất. Cụ thể, lãi suất tái cấp vốn giảm từ 6% xuống 4%, lãi suất tái chiết khấu giảm từ 4% xuống 2,5%. Đồng thời, lãi suất huy động và cho vay của các ngân hàng giảm và được xem là mức thấp nhất trong nhiều năm qua. Lãi suất vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số lĩnh vực ở mức 4,5%/năm. Trong khi đó, lãi suất cho vay ngắn hạn bằng USD ở mức 3% - 4,5%/năm. Những sự biến động bất thường của lãi suất sẽ tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty luôn theo dõi các khoản vay và lập kế hoạch chi trả nợ chi tiết để duy trì tính thanh khoản ổn định cũng như tận dụng các nguồn vốn nhằm đảm bảo chi phí sử dụng vốn hợp lý

Rủi ro tỷ giá

Do đặc thù ngành nghề, hoạt động xuất khẩu gạo của Công ty bị ảnh hưởng bởi tỷ giá VND/USD. Nhìn chung cả năm 2020, tỷ giá VND/USD giảm 0,2%, việc giảm tỷ giá này không hỗ trợ thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa.

Trong những năm qua Ngân hàng Nhà nước áp dụng chính sách điều hành linh hoạt, phù hợp với thị trường, cân đối kinh tế vĩ mô, tiền tệ giúp tỷ giá luôn ổn định.

Tuy nhiên, hoạt động xuất khẩu gạo là ngành nghề chủ lực của Công ty, sẽ bị ảnh hưởng bởi tỷ giá VND/USD, đặc biệt là xu hướng giảm của tỷ giá sẽ làm giảm doanh thu của Công ty. Để hạn chế những tác động của tỷ giá, Ban điều hành Công ty luôn theo dõi biến động của tỷ giá, ước tính rủi ro tỷ giá, lập kế hoạch cụ thể để hạn chế rủi ro do tỷ giá ở mức thấp nhất có thể.

Rủi ro pháp luật

Hoạt động kinh doanh của AGM chịu sự chi phối bởi hệ thống pháp luật Việt Nam và những chính sách có liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán. Hiện nay, nền kinh tế Việt Nam đang ngày càng hội nhập với nền kinh tế thế giới, do đó nhiều văn bản pháp luật đang được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế và để hệ thống pháp luật Việt Nam hoàn thiện hơn. Cụ thể, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được ban hành vào 17/06/2020 và Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành vào 26/11/2019 cùng có hiệu lực từ 01/01/2021 sẽ ảnh hưởng đến công tác quản trị và hoạt động công ty.



Ngoài ra, hoạt động xuất khẩu gạo của Công ty chịu ảnh hưởng bởi chính sách của các quốc gia nhập khẩu gạo và cũng như phải đối mặt với những yêu cầu khắt khe về chất lượng sản phẩm. Vì vậy, Công ty cần có những biện pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tăng tính cạnh tranh với các sản phẩm hiện có trên thị trường cũng như đáp ứng yêu cầu trong chính sách nhập khẩu của các quốc gia khác.



Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro dịch bệnh, thời tiết

Tuy hoạt động của Công ty chủ yếu liên quan đến thu mua nguồn nguyên liệu từ người nông dân, nhưng điều kiện thời tiết, dịch bệnh cũng được Công ty quan tâm do đây là yếu tố ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng, chi phí đầu vào. Lúa là cây trồng rất nhạy cảm với các biến động về thời tiết và sâu bệnh, sản lượng sản xuất chịu tác động tương ứng với điều kiện trồng trọt. Điều kiện thời tiết nước ta chịu ảnh hưởng của hiện tượng ENSO ở trạng thái trung tính nhưng nghiêng về pha nóng suốt các tháng đầu năm 2020, xu hướng chuyển dịch dần sang pha lạnh, và đạt trạng thái La-Nina từ tháng 10/2020 (theo Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Việt Nam). Theo dự báo, hiện tượng La-Nina sẽ tiếp tục kéo dài đến tháng 04, 05/2021, đây là căn cứ để kỳ vọng năng suất lúa gạo năm 2021 tăng cao, đặc biệt là đối với vụ mùa Đông Xuân. Tuy nhiên, Công ty vẫn luôn đề phòng hiện tượng khô hạn bất thường, làm trầm trọng hiện tượng xâm ngập mặn, gây ảnh hưởng đến diện tích sản xuất lúa, làm giảm lượng cung trên thị trường. Ngoài ra, Công ty cũng tuyên truyền, bổ sung các kiến thức về sâu bệnh cho người nông dân, hạn chế khả năng xảy ra dịch bệnh trên cây lúa.



Rủi ro cạnh tranh

Công ty có ngành nghề hoạt động kinh doanh chủ yếu là sản xuất và kinh doanh lúa gạo, vật tư nông nghiệp và hoạt động thương mại xe gắn máy.

Đối với sản xuất và kinh doanh lúa gạo, Công ty phải chịu sự cạnh tranh chủ yếu đến từ thị trường xuất khẩu khi các sản phẩm lúa gạo phải cạnh tranh trực tiếp với các quốc gia nổi tiếng như Thái Lan, Ấn Độ,... Tuy nhiên, Angimex đang dần chuyển hướng sang sản xuất và kinh doanh các loại gạo có phẩm chất tốt, thơm ngon theo chính sách quốc gia, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm Công ty cả thị trường nội địa và quốc tế.

Công ty cũng đối diện với sự cạnh tranh lớn đến từ các tổ chức tư nhân và chuỗi hệ thống quốc tế cho hoạt động thương mại - dịch vụ. Đối với mặt hàng xe máy và phụ tùng, Angimex là đơn vị phân phối chính hãng xe máy từ Honda, thương hiệu có một vị trí nhất định trong thói quen tiêu dùng của người dân. Tuy nhiên, sự phổ biến các thương hiệu cạnh tranh như Yamaha, Suzuki, Xe máy điện Vinfast,... đã gây áp lực không nhỏ đối với doanh số Công ty. Đồng thời, sự gia nhập ngành của hàng loạt các doanh nghiệp tư nhân trong địa bàn kinh doanh làm gia tăng mức độ cạnh tranh của thị trường khu vực.

Do đó, Công ty cần lên kế hoạch kinh doanh, cải thiện chất lượng sản phẩm, chính sách hậu mãi đồng thời cũng học hỏi các cách tiếp cận kinh doanh mới nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của mình trên các thị trường tham gia.

Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, dịch bệnh, hỏa hoạn.... Những rủi ro này mặc dù hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên theo dõi nắm bắt kịp thời thông tin, có biện pháp ứng phó phù hợp để giảm tối đa tổn thất khi các rủi ro đó xảy ra.



Chương II . TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- » Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- » Tổ chức nhân sự
- » Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- » Tình hình tài chính
- » Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu
- » Báo cáo các tác động liên quan đến môi trường xã hội



01 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

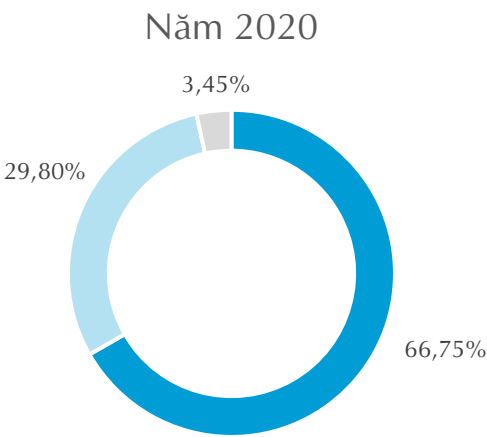
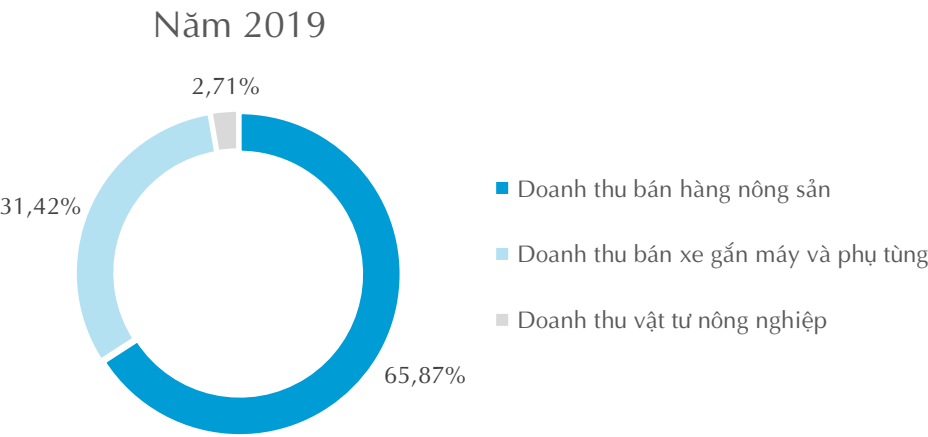


Năm 2020 là một năm đặc biệt khó khăn với các lĩnh vực mà Công ty hoạt động dưới tác động mạnh mẽ, toàn diện từ Covid-19. Tuy nhiên, do mặt hàng chủ yếu của Công ty là các sản phẩm thiết yếu đồng thời do đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng, ký kết các hợp đồng cung ứng, xuất khẩu nên doanh thu trong năm không ảnh hưởng quá nhiều. Cụ thể, tổng doanh thu thuần của Công ty chỉ giảm 7,52% so với năm 2019, đạt giá trị 1.960.178 triệu đồng



ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2020		Năm 2019	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán hàng lúa gạo	1.308.470	66,75%	1.396.254	65,87%
Doanh thu bán xe gắn máy và phụ tùng	584.096	29,80%	665.958	31,42%
Doanh thu khác (vật tư nông nghiệp và các khoản doanh thu khác)	67.613	3,45%	57.435	2,71%
Tổng cộng	1.960.178	100%	2.119.646	100%



Lúa gạo

Doanh thu các sản phẩm lúa gạo của Công ty đã sụt giảm nhẹ với tỷ lệ 6,29% so với năm 2019, đạt 1.308.470 triệu đồng. Trong năm, vụ mùa Đông Xuân cho năng suất khá cao do hiệu quả của việc điều chỉnh khung thời vụ theo địa phương và kiểm soát tình hình sâu bệnh. Nhờ vậy, sản lượng Công ty cung cấp cho thị trường nội địa và quốc tế luôn được đảm bảo ổn định qua các tháng trong năm, nguồn cung lúa gạo luôn trong tình trạng đáp ứng đủ nhu cầu trong nước và có thặng dư để xuất khẩu. Bên cạnh đó, giá cả lúa gạo trong năm đã có sự biến động tương đối lớn do nhu cầu với lúa gạo luôn thay đổi, đặc biệt là các hợp đồng đối với thị trường Philippines và các nước châu Phi không ổn định.

Tuy nhiên, Covid-19 và thời tiết những tháng cuối năm đã tác động khá nhiều lên tình hình kinh doanh của Công ty. Trong thị trường nội địa, việc thu gom nông sản từ các kho tư nhân, thương lái, nông dân gặp nhiều khó khăn do tình trạng đầu cơ hàng hóa xuất hiện trong bối cảnh dịch bệnh kéo dài. Vụ lúa Hè Thu gặp phải điều kiện thời tiết thất thường làm giảm sản lượng và phẩm chất gạo, gây tổn thất không ít cho Công ty. Đối với thị trường nước ngoài, chi phí vận chuyển ở các tuyến hàng hải đều đã tăng giá, các chi phí lưu kho ở các bãi tập kết cũng tăng cao khi hàng hóa sẵn sàng giao bị ùn ứ ở các cảng.

Xe gắn máy và phụ tùng

Doanh thu từ các loại hàng hóa này đạt 584.096 triệu đồng, tương đương 87,71% giá trị ghi nhận của năm 2019. Nguyên nhân để giải thích cho sự sụt giảm này là do thu thập của người dân trong địa bàn kinh doanh không còn ổn định như trước dưới tác động của đại dịch Covid-19 cũng như là xe máy không còn được đưa vào diện ưu tiên trong chính sách ưu đãi của Chính phủ bằng ô tô suốt những năm gần đây và trong tương lai. Trước các bất lợi này, Công ty đã xây dựng một số chính sách hậu mãi, chăm sóc khách hàng, giúp duy trì doanh thu của các mặt hàng này luôn ở mức cao.

Vật tư nông nghiệp

Doanh thu từ Vật tư nông nghiệp đã tăng khi tham chiếu với năm 2019, với giá trị 58.907 triệu đồng cho cả năm 2020. Kết quả có được do người dân phải sử dụng nhiều các sản phẩm phân bón, cải tạo đất ruộng, đất trồng cây ăn trái. Đồng thời, trong năm Công ty cũng cho ra mắt sản phẩm phân bón vi sinh mới mang tên Dagaco, góp phần đa dạng chủng loại phân bón của Công ty, mang đến cho người nông dân nhiều lựa chọn hơn.

Công ty sẽ vẫn tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, phân phối các loại vật tư nông nghiệp này, từ đó có thể giúp người nông dân nâng cao năng suất cây trồng, cải thiện kết quả hoạt động kinh doanh.



Kết quả sản xuất kinh doanh

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	TH2020/2019
Doanh thu thuần	1.960.178	2.119.646	92,48%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	154.285	179.850	85,79%
Lợi nhuận trước thuế	30.260	47.346	63,91%
Lợi nhuận sau thuế	24.753	40.321	61,39%

Mặc dù kết quả kinh doanh của Công ty được đánh giá tương đối tốt khi tổng doanh thu thuần đạt 92,48% số thực hiện của năm 2019, nhưng các điều kiện bất lợi của kinh tế và tự nhiên của năm 2020 đã có nhiều tác động trực tiếp và gián tiếp đến Công ty. Giá vốn hàng bán của Công ty đã tăng đáng kể do sự thay đổi bất thường của thời tiết và gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu xuất phát từ tình hình phức tạp của dịch bệnh, làm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm chỉ bằng 85,79% lợi nhuận năm 2019,

đạt giá trị 154.285 triệu đồng. Dưới các bất lợi, và khó khăn của năm 2020, Công ty đã áp dụng chính sách linh hoạt, dùng nợ vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm tài trợ cho tài sản lưu động của mình, giúp duy trì trạng thái ổn định tình hình tài chính Công ty. Điều đó làm cho chi phí tài chính, nhất là chi phí lãi vay của Công ty tăng cao, ảnh hưởng đến lợi nhuận trước và sau thuế của Công ty. Trái ngược với chi phí tài chính, Công ty đã có nhiều nỗ lực trong khâu bán hàng và quản lý doanh nghiệp, giúp Angimex tiết

kiệm một khoản lớn tiền, tác động tích cực lên lợi nhuận Công ty. Dưới các ảnh hưởng đó, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 24.753 triệu đồng, giảm 38,61% so với năm 2019. Mặc dù đây là một kết quả tương đối tốt so với mặt bằng chung của cả nền kinh tế trong bối cảnh hiện tại của Việt Nam và thế giới, Công ty vẫn đang xem xét lại tính hiệu quả của các chi phí, đặc biệt là chi phí nguồn đầu vào, nhằm hướng tới một kết quả tốt hơn trong tương lai



02 Tổ chức nhân sự

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Hoàng An	Tổng Giám đốc	-	-
2	Huỳnh Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính	24.300	0,13%
3	Ngô Văn Trị	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Nhân sự Hành chính	-	-
4	Trần Thị Cẩm Châm	Kế toán trưởng	-	-

Danh sách thay đổi thành viên trong Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Thay đổi
1	Huỳnh Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/06/2020
2	Ngô Văn Trị	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24/09/2020
3	Võ Thanh Bào	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30/09/2020

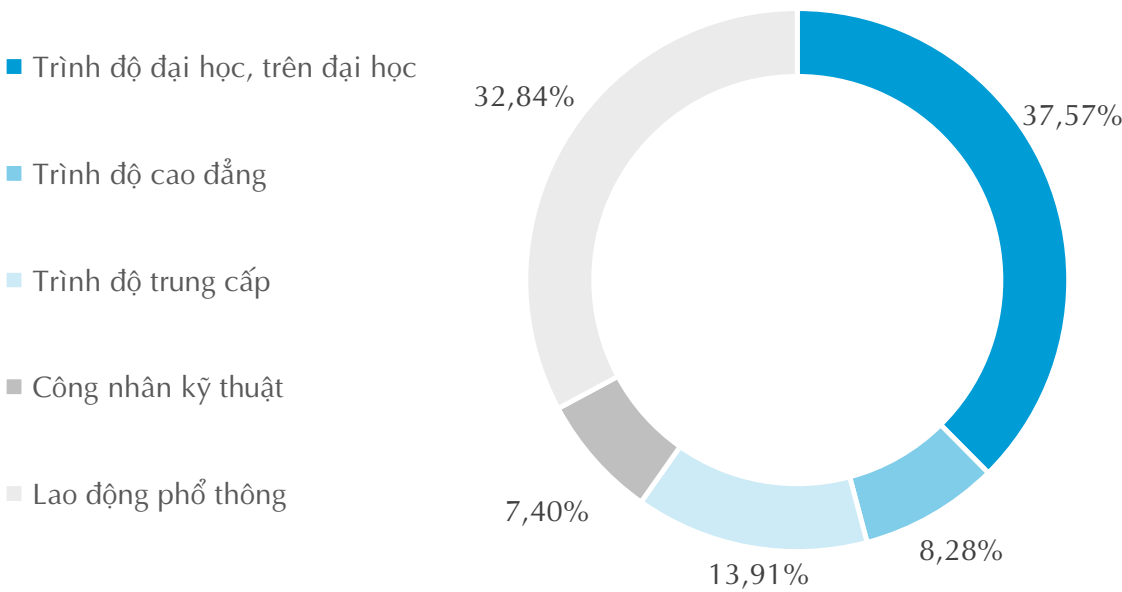




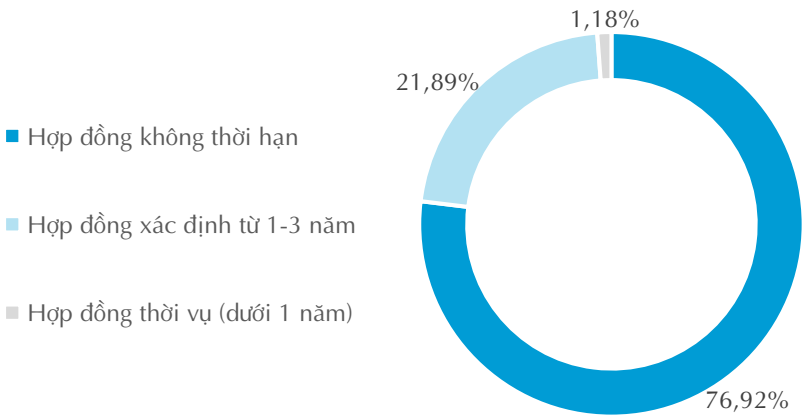
Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
I	Theo trình độ	338	100%
1	Trình độ đại học, trên đại học	127	37,57%
2	Trình độ cao đẳng	28	8,28%
3	Trình độ trung cấp	47	13,91%
4	Công nhân kỹ thuật	25	7,40%
5	Lao động phổ thông	111	32,84%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	338	100%
1	Hợp đồng không thời hạn	260	76,92%
2	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	74	21,89%
3	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	4	1,18%
III	Theo giới tính	338	100%
1	Nam	265	78,40%
2	Nữ	73	21,60%

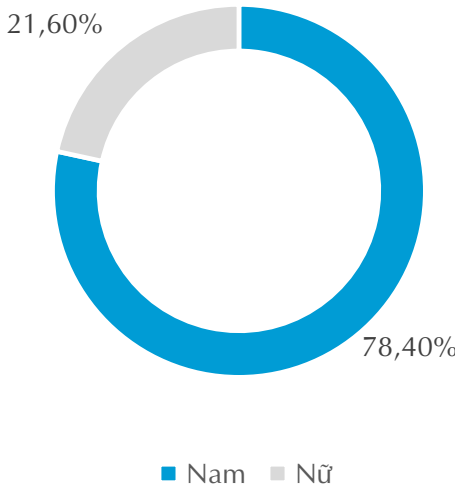
Trình độ



Tính chất hợp đồng lao động

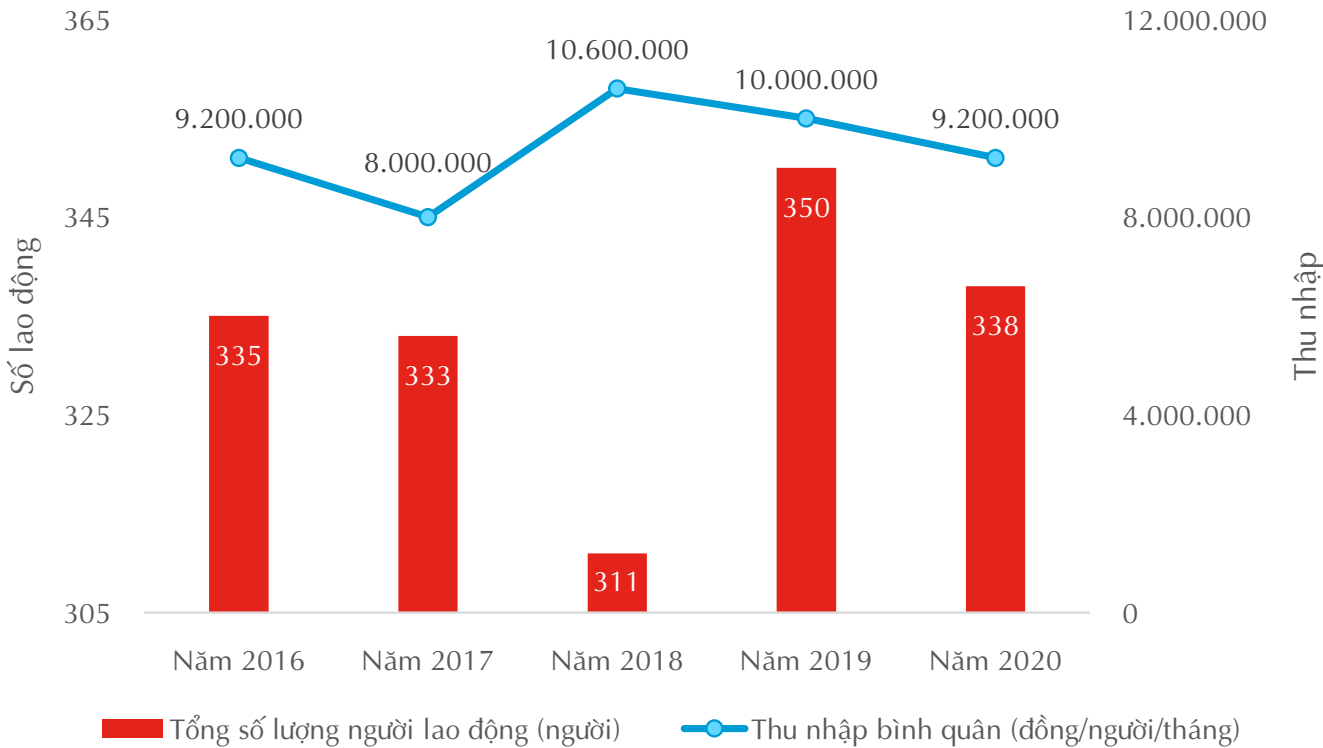


Giới tính



Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng số lượng người lao động (người)	335	333	311	350	338
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	9.200.000	8.000.000	10.600.000	10.000.000	9.200.000





Chính sách nhân sự

Về đào tạo

Công ty xem mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực là một trong những chiến lược phát triển bền vững của mình. Hàng năm, Công ty xây dựng kế hoạch đào tạo cho toàn bộ cán bộ nhân viên theo các phòng chức năng, tổ chức các lớp phổ biến về văn hóa, cách làm việc tại Angimex. Nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn kỹ thuật là các trọng tâm đào tạo của Công ty nhằm nâng cao các kỹ năng, năng lực làm việc, cải thiện năng suất lao động. Ngoài các khóa đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ, Công ty đã tổ chức tập huấn về ATVSLĐ, PCCC,... giúp người lao động cập nhật lại các kỹ năng và kiến thức, góp phần hạn chế tối đa những rủi ro trong lao động. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên tổ chức các khóa hội thảo nội bộ, mục tiêu chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm thực tế giữa các đơn vị với nhau, vừa tiết kiệm chi phí vừa mang lại hiệu quả thiết thực.

Tổng số khóa đào tạo năm 2020: 04 khóa, là những khóa đào tạo về kỹ năng bán hàng, dịch vụ và quản lý, kinh phí đào tạo: 92 triệu đồng cho tổng số 220 lượt CBNV tham dự.

Về tuyển dụng

Công tác tuyển chọn đầu vào của Công ty cũng rất quan trọng. Công ty đặc biệt dành sự quan tâm đến thái độ, và tinh thần làm việc ngoài các tiêu chí về kiến thức chuyên môn. Hàng năm, Công ty thường lên kế hoạch tổ chức nhân sự, đảm bảo nguồn nhân lực của Công ty luôn đáp ứng phù hợp nhu cầu phát triển theo từng giai đoạn, từng mùa vụ của Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng minh bạch trong công tác tuyển dụng cán bộ nhân viên, không để các mập mờ, tiêu cực xuất hiện mà bỏ qua nhân tài. Cụ thể, các chỉ tiêu, tiêu chuẩn tuyển dụng được thông báo rộng rãi trên các phương tiện truyền thông đại chúng...



Về lương, thưởng

Công ty luôn xây dựng chính sách lương, thưởng hấp dẫn không chỉ giúp thu hút nhân tài ở các lĩnh vực mà còn giữ chân nguồn nhân lực phù hợp. Người lao động cũng được đảm bảo nhận đúng lương, đúng thời gian, không để xảy ra chậm trễ, thiếu sót, nhầm lẫn, gây ra các khó khăn đối với đời sống sinh hoạt của cán bộ nhân viên. Ngoài ra, Công ty cũng dành các khoản thưởng cho các cá nhân có đóng góp nổi trội, có những sáng kiến, cải tiến trong hoạt động sản xuất kinh doanh như là một khoản khích lệ, tuyên dương nhân viên.

- Số lượng lao động đến cuối năm 2020 là 338 người (39 nhân viên từ Dasco)
- Lương bình quân: trên 8 triệu đồng/người/tháng
- Thu nhập bình quân: trên 9,2 triệu đồng/người/tháng

Về phúc lợi, đãi ngộ

Bên cạnh việc chăm lo đời sống vật chất của người lao động, Công ty cũng rất quan tâm đến tình hình sức khỏe, đời sống tinh thần của người lao động. Theo đó, hàng loạt các chính sách, hoạt động đảm bảo sức khỏe và tinh thần được triển khai. Công ty luôn cam kết tuân thủ đầy đủ, thực hiện chi trả các khoản BHXH, BHYT, BHTN,... đồng thời, cũng tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên Công ty, tổ chức thăm, viếng và hỗ trợ đối với CBNV khi gặp ốm đau. Các hoạt động văn nghệ, giao lưu trò chuyện, tranh tài thể thao, các chuyến du lịch cũng được tổ chức vào các dịp đặc biệt của Công ty, góp phần duy trì trạng thái sức khỏe tinh thần của người lao động ở mức cao, hồi phục sức lao động của cán bộ nhân viên.



Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

ĐVT: Triệu đồng

Công ty	Mục đích	Tổng mức đầu tư
Angimex Trading	Tân trang Head 1, cải tạo văn phòng Trung tâm	2.107
Dasco	Mở rộng xưởng, sân phơi, đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh.	1.797
Angimex Food	Đầu tư máy tách màu cho các nhà máy chế biến lúa gạo, xây dựng hàng rào bảo vệ các nhà máy.	3.884
Văn phòng Công ty	Nâng cấp phần mềm Bravo.	63
Tổng cộng		7.851



Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	758.606	772.062	-1,74%
Nguồn vốn chủ sở hữu	438.946	441.364	-0,55%
Doanh thu thuần	1.960.178	2.119.646	-7,52%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	22.055	39.516	-44,19%
Lợi nhuận khác	8.205	7.830	4,80%
Lợi nhuận trước thuế	30.260	47.346	-36,09%
Lợi nhuận sau thuế	24.753	40.321	-38,61%

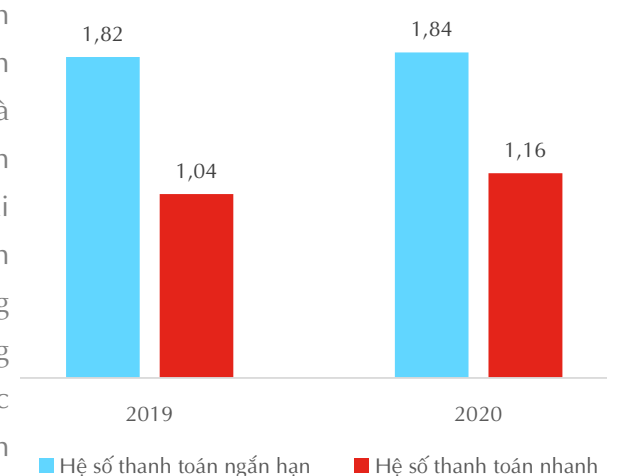
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,84	1,82
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,16	1,04
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Ng/Tổng tài sản	%	42,14	42,83
Hệ số Ng/Vốn chủ sở hữu	%	72,82	74,93
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,72	7,12
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,56	3,13
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,26	1,90
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	5,64	9,14
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,26	5,22
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	1,13	1,86

Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán của Công ty được duy trì ổn định, không có sự thay đổi lớn bất chấp các biến động phức tạp của tình hình kinh tế Việt Nam và thế giới trong năm qua. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt đạt 1,84 lần và 1,16 lần, đã được cải thiện nhẹ so với năm 2019 là 1,82 và 1,04. Theo đó, cả tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn đều ghi nhận mức giảm khá nhỏ, tương ứng 1,72% và 3,04%. Trong đó, tài sản ngắn hạn ghi nhận một sự chuyển đổi từ hàng tồn kho thành tiền và tương đương tiền với giá trị gần 42.081 triệu đồng, đóng góp phần lớn vào sự gia tăng tính thanh khoản của tài sản Công ty. Đối với nợ ngắn hạn, Công ty ghi nhận giảm hầu hết ở các khoản mục. Như vậy, theo tình hình hiện tại, Công ty luôn có sẵn nguồn lực để tận dụng mọi cơ hội kinh doanh trong năm 2021 với nguồn thặng dư lớn trong vốn lưu động.

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

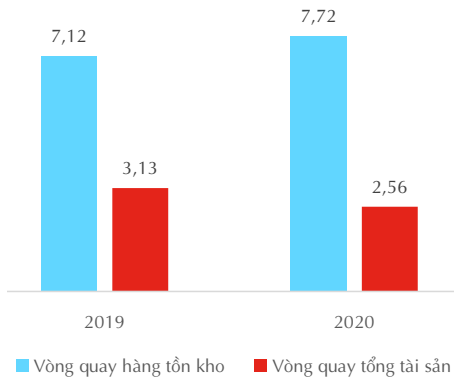




Cơ cấu vốn:

Cơ cấu vốn của Công ty dường như không đổi khi tham chiếu với năm 2019. Các hệ số Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu của năm 2020 là 42,14% và 72,82%, giảm nhẹ so với 42,83% và 74,93% của năm 2019. Giá trị của nợ phải trả, tổng tài sản, vốn chủ sở hữu của Công ty đều không có các khác biệt quá lớn so với năm 2019 do Công ty ưu tiên áp dụng chính sách thận trọng, linh hoạt với nợ ngắn hạn giảm thiểu rủi ro kinh doanh trước sự khó lường của đại dịch COVID-19 và bất ổn tình hình chính trị thế giới.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



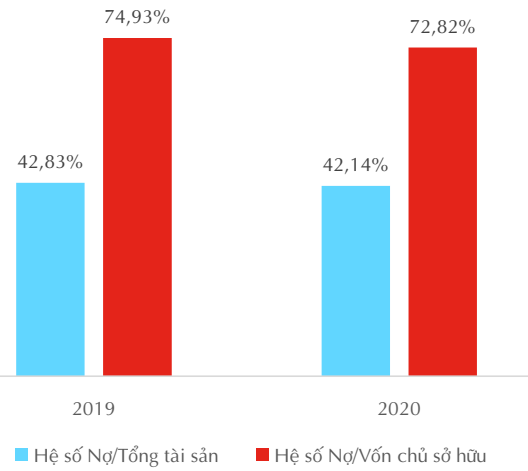
Nhờ sự thận trọng trong chính sách điều hành, khả năng quản trị hàng tồn kho của Công ty đã được cải thiện. Cụ thể, hệ số vòng quay hàng tồn kho của Công ty năm 2020 đạt 7,72 vòng, tăng 0,6 vòng so với năm 2019. Nguyên nhân do Công ty đã chuyển một lượng lớn hàng tồn kho thành các khoản tiền và tương đương tiền, góp phần làm giảm các chi phí bảo quản, lưu trữ, lưu kho của Công ty.

Trong khi đó, hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty đã giảm nhẹ so với trước thể hiện qua hệ số vòng quay tổng tài sản giảm từ 3,13 vòng còn 2,56 vòng cho năm 2020. Hiện trạng lượng tài sản tồn tại dưới các khoản tiền mặt và các khoản tiền gửi có kỳ hạn chiếm tỷ trọng khá lớn (35,99%) chưa mang đến sự tối ưu trong đầu tư sinh lời. Cùng với tổng doanh thu bị ảnh hưởng do dịch COVID-19, đây là 2 lý do chính dẫn đến vòng quay tổng tài sản giảm. Tuy nhiên, đây chỉ là tình trạng tồn tại trong thời gian phòng thủ trước đại dịch, Công ty đã lên kế hoạch đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh, chuẩn bị cho sự tăng trưởng trong năm 2021 và các năm tiếp theo.

Khả năng sinh lợi:

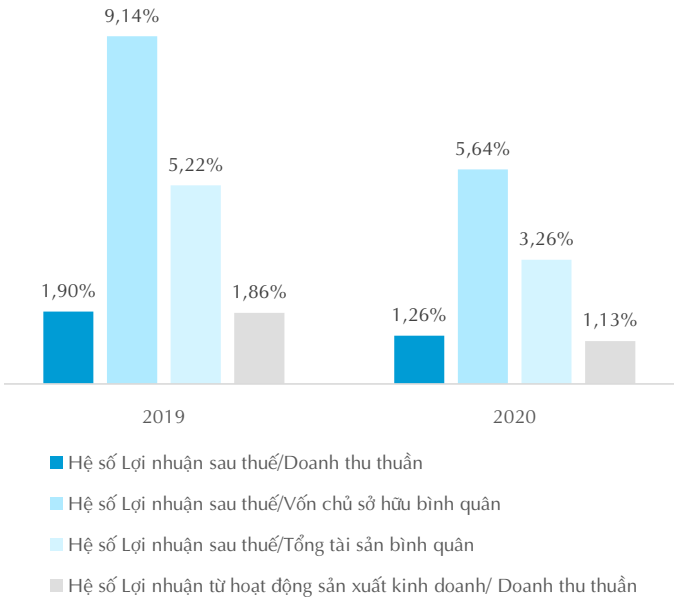
Nhìn chung, các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lợi của Công ty đều đã giảm so với năm 2019. Chi tiết là, biên lợi nhuận, ROE, ROA đều giảm tương ứng với mức 0,64%, 3,5%, 1,96%, còn 1,26%, 5,64%, 3,26% cho năm 2020. Các chi phí của Công ty, đặc biệt là chi phí nguồn đầu vào, chi phí vận chuyển, lưu trữ và chi phí lãi vay, đã tăng vọt so với năm 2019 là nguyên chính dẫn đến sự sụt giảm của lợi nhuận Công ty. Đây là năm đặc biệt cho hoạt động kinh doanh của Công ty khi đối diện với COVID-19 mà chưa có kịch bản đối phó toàn diện với thay đổi bất thường của nền kinh tế toàn cầu. Nhưng đây cũng là cơ hội để Angimex hoàn thiện tổ chức, cấu trúc tài chính, tăng sức đề kháng với các biến động lớn của Việt Nam và thế giới.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Năng lực hoạt động:

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



05 Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành	18.200.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.200.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
Loại cổ phần	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phần	10.000 đồng/cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

STT	Tiêu chí	Số lượng cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ
I.	Tỷ lệ sở hữu	648	18.200.000	182.000.000.000	100%
1	Cổ đông lớn	2	14.563.700	145.637.000.000	80,02%
2	Cổ đông nhỏ	646	3.636.300	36.363.000.000	19,98%
II.	Cổ đông tổ chức và cá nhân	648	18.200.000	182.000.000.000	100%
1	Tổ chức	20	15.828.170	158.281.700.000	86,97%
2	Cá nhân	628	2.371.830	23.718.300.000	13,03%
III.	Cổ đông trong nước và nước ngoài	648	18.200.000	182.000.000.000	100%
1	Trong nước	632	17.016.830	170.168.300.000	93,50%
2	Nước ngoài	16	1.183.170	11.831.700.000	6,50%
IV.	Cổ đông nhà nước và cổ đông khác	648	18.200.000	182.000.000.000	100%
1	Nhà nước	1	5.126.550	51.265.500.000	28,17%
2	Cổ đông khác	647	13.073.450	130.734.500.000	71,83%

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có
- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- Các chứng khoán khác: Không có

Báo cáo các tác động liên quan đến môi trường - xã hội

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Việc bảo quản và sử dụng nguyên vật liệu của Công ty luôn đảm bảo các tiêu chuẩn, yêu cầu bảo vệ môi trường xung quanh và cộng đồng. Theo đó, Công ty dùng một hệ thống tiêu chí để đánh giá hiệu quả sử dụng, không gây hoang phí, tổn thất nguyên vật liệu. Các loại bao bì đóng gói được cung cấp bởi các đơn vị có năng lực, đáp ứng các điều kiện thân thiện với môi trường và người dùng. Đối với các hợp chất hóa học phục vụ cho sản xuất phân bón vô cơ, Công ty xây dựng quy trình, thiết lập điều kiện, duy trì trạng thái bảo quản tốt nhất, không để xảy ra tình huống rò rỉ ra môi trường bên ngoài, ảnh hưởng đến các khu vực xung quanh Công ty.

a) Tổng lượng nguyên liệu đưa vào sản xuất: 128.000 tấn

b) Tỷ lệ phần trăm nguyên liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất: 0%

Tiêu thụ năng lượng

Công ty luôn sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng phục vụ sản xuất kinh doanh và dùng trong văn phòng. Nguồn năng lượng được sử dụng chủ yếu của Công ty là điện năng từ hệ thống điện quốc gia và có trang bị máy phát điện dùng trong trường hợp cúp điện. Angimex đã áp dụng hệ thống đèn LED chiếu sáng tiết kiệm năng lượng cho toàn bộ khu vực văn phòng. Đồng thời, các phòng ban cũng tổ chức kiểm tra, sửa chữa, thay thế các thiết bị cũ hay hư hỏng, không gây ra thất thoát điện năng, lãng phí tài nguyên quốc gia. Tổng sản lượng điện năm 2020 là 6,7 triệu kWh.

Tiêu thụ nước

Sử dụng nguồn nước tiết kiệm và hiệu quả luôn là một trong các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của Ban Tổng Giám đốc đối với Công ty. Nguồn nước được sử dụng cho Công ty phải đáp ứng các yêu cầu về chất lượng nước cho sản xuất và sinh hoạt, vì vậy Công ty sử dụng nước được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Điện nước An Giang, Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp. Ban Tổng Giám đốc cũng thường xuyên cử người, thuê dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng hệ thống các đường ống nước, thay thế ngay nếu bị hư hỏng.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Việc thực hiện trách nhiệm xã hội sẽ giúp các doanh nghiệp phát triển một cách bền vững, thông qua các hoạt động như tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, kiểm soát ô nhiễm, tái chế chất thải, tiết kiệm tài nguyên... Angimex cam kết luôn thực hiện đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, cán bộ nhân viên công ty tích cực tham gia các phong trào vì môi trường do Công ty và chính quyền địa phương tổ chức.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

Chính sách liên quan đến người lao động

Người lao động trong Công ty được đảm bảo thực hiện các chính sách đào tạo, được bố trí, sắp xếp công việc phù hợp với trình độ và năng lực làm việc. Chính sách lương, thưởng của Công ty được xây dựng phù hợp với đóng góp và trách nhiệm của từng vị trí công việc đối với hoạt động của Công ty, khuyến khích người lao động nâng cao hiệu quả công việc.

Bên cạnh các chính sách về tiền lương, thưởng, Công ty còn ban hành Quy định chế độ đãi ngộ phúc lợi nhằm thể hiện sự quan tâm và ghi nhận những đóng góp của người lao động trong toàn hệ thống. Người lao động được ký hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và được đảm bảo quyền lợi khi ốm đau, nghỉ hưu, thai sản, được nhận các phần vào các dịp Lễ Tết,... theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, người lao động còn được tham gia tổ chức công đoàn để được bảo vệ quyền lợi. Công ty tổ chức Hội nghị người lao động định kỳ hàng năm theo đúng quy định của Tổng Liên đoàn Lao động, để thường xuyên lắng nghe, giải đáp kịp thời các ý kiến của người lao động.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty chủ trương bảo vệ tốt môi trường sinh thái, hướng đến sự phát triển bền vững và có trách nhiệm với cộng đồng. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng góp phần xây dựng và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội cùng cộng đồng cư dân địa phương, tạo công ăn việc làm cho người dân, giải quyết áp lực việc làm cho chính quyền địa phương. Đồng thời, Công ty cũng có nhiều hoạt động giúp đỡ các cá nhân, hộ gia đình gặp khó khăn, tiếp sức giúp các em nhỏ trong vùng đến trường, hỗ trợ đồng bào chịu thiên tai,...

Các nhà máy sản xuất của Công ty luôn thực hiện đúng các quy định, chính sách pháp luật của cơ quan nhà nước, tổ chức đoàn thể, xã hội tại địa phương. Công ty luôn cố gắng cải tiến, đầu tư, nhằm hạn chế đến mức tối đa việc xả thải ra nguồn nước, không xả chất thải độc hại chưa xử lý ra môi trường ảnh hưởng đến sinh hoạt của cộng đồng dân cư.



Chương III . BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- » *Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh*
- » *Tình hình tài chính*
- » *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*
- » *Kế hoạch phát triển trong tương lai*
- » *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty*



01 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

DVT: Triệu đồng

Khoản mục	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	%TH2020/KH2020	%TH2020/TH2019
Doanh thu thuần	2.058.472	1.960.178	2.119.646	95,22%	92,48%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	154.285	179.850	-	85,79%
Lợi nhuận trước thuế	38.419	30.260	47.346	78,76%	63,91%
Lợi nhuận sau thuế	-	24.753	40.321	-	61,39%

Nhìn chung, mọi hoạt động kinh doanh sản xuất của Công ty đều chịu tác động ít nhiều từ COVID-19. Ban Tổng Giám đốc và toàn thể nhân viên Công ty đã có những nỗ lực phấn đấu, làm việc hết sức, hết mình, hướng tới kết quả theo kế hoạch năm 2020 được Đại hội đồng cổ đông giao phó. Theo đó, tổng doanh thu thuần của Angimex đạt 1.960.178 triệu đồng, bằng 95,22% kế hoạch đề ra và lợi nhuận trước thuế đạt

30.260 triệu đồng, tương ứng với 78,78% kế hoạch đã cho thấy những nỗ lực tuyệt vời ấy. Song song đó, Công ty cũng nhận thấy các vấn đề còn tồn đọng trong các mặt hoạt động của mình nhờ vào sự xuất hiện bất ngờ của đại dịch, từ đó, mà Công ty có thể phân tích, đưa ra giải pháp xử lý các yếu tố đó, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của Công ty trong tương lai.



Angimex Trading

Do tình hình Covid-19 thị trường xe gắn máy suy giảm sức tiêu thụ, Honda Việt Nam giảm lượng giao cho các Head đã ảnh hưởng đến lượng xe tiêu thụ của ngành. Số lượng xe tiêu thụ, dịch vụ sửa chữa, phụ tùng giảm so với cùng kỳ.

Tuy nhiên, trong năm 2020 dù chịu ảnh hưởng lớn từ Covid-19, ngành TMDV đã nỗ lực tìm kiếm thêm các kênh bán hàng, phương thức bán hàng, tham gia đấu thầu, nâng cao hoạt động dịch vụ, mở rộng mạng lưới kinh doanh phụ tùng, tiết giảm chi phí.v.v.. điều này đã giúp ngành TMDV vượt kế hoạch doanh thu và gần đạt chỉ tiêu về lợi nhuận.

Dasco

Thời tiết trong năm bất lợi buộc nông dân phải sử dụng phân bón để tái xử lý trên cây ăn trái nhiều lần, do vậy sản lượng Dola 02X tiêu thụ tốt. Bên cạnh đó, trong bối cảnh dịch Covid-19 tác động mạnh đến tất cả mọi mặt của nền kinh tế, Dasco đã nỗ lực tiết giảm chi phí, tung ra sản phẩm mới phân hữu cơ vi sinh Dagaco, mở rộng phạm vi bán hàng, tổ chức lại thị trường. Nhờ vậy, kết quả kinh doanh trong năm 2020 của Dasco đã vượt kế hoạch năm và tăng mạnh so cùng kỳ.

Angimex Food

Năm 2020 là một năm khó khăn cho ngành gạo khi lương thực là mặt hàng thiết yếu, chịu ảnh hưởng lớn từ sự bùng phát của dịch Covid-19 khi:

- Chính phủ tạm dừng xuất khẩu trong hơn 1 tháng
- Việc thực hiện giãn cách xã hội đã ảnh hưởng lớn đến thị trường nội địa
- Tình trạng đầu cơ, ghim hàng của nông dân, thương lái, kho tư nhân làm tăng mạnh giá lúa gạo trong nước so với năm 2019
- Thu hoạch Hè Thu dần trễ, xâm nhập mặn, hạn hán, bão lũ diễn ra liên tục trong những tháng cuối năm

Các yếu tố trên đã khiến giá lúa gạo trong nước tăng mạnh, làm giảm rất lớn tỷ lệ lãi gộp của ngành gạo, ảnh hưởng nặng đến hiệu quả các hợp đồng giao hàng trong năm. Logistics bị đình trệ do Covid lan rộng trên toàn cầu nên giá cước vận chuyển tăng đã làm chi phí giao hàng tăng và làm giảm lượng giao hàng xuất khẩu (chỉ đạt 84% kế hoạch và giảm 15% so cùng kỳ).

Mặc dù trong năm Công ty đã thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí như tiết kiệm chi phí văn phòng, nỗ lực giảm chi phí bán hàng, linh động trong hoạt động sử dụng nguồn vốn.v.v.. song không đủ bù đắp mức giảm của tỷ lệ lãi gộp.





Tình hình tài sản

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Tỷ trọng	Năm 2019	Tỷ trọng	% Tăng, giảm
Tài sản ngắn hạn	580.877	76,57%	591.014	76,55%	-1,72%
Tài sản dài hạn	177.729	23,43%	181.048	23,45%	-1,83%
Tổng cộng	758.606	100%	772.062	100%	-1,74%

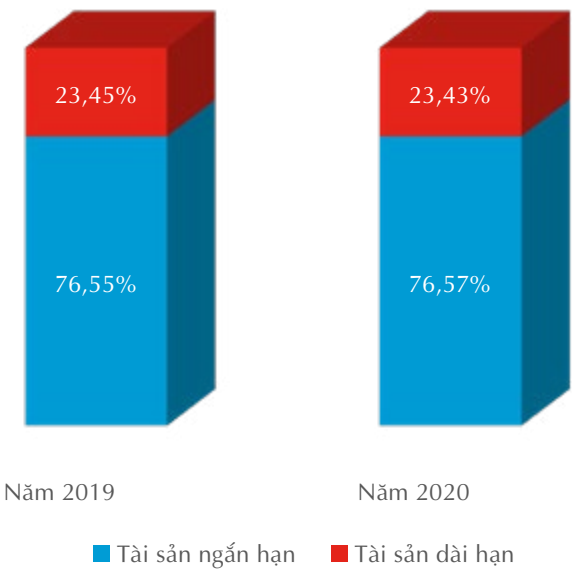
Tình hình tài sản của Công ty trong năm 2020 vẫn duy trì tương đối ổn định so với năm trước về cả giá trị lẫn cấu trúc tài sản. Giá trị tổng tài sản tại thời điểm kết thúc năm 2020 đạt 758.606 triệu đồng, giảm 1,74% so với năm 2019. Trong đó:

Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng 76,57% với giá trị đạt 580.877 triệu đồng cho năm 2020. Đây vẫn là một tỷ trọng khá tương đồng so với năm 2019, nhưng các thành phần của tài sản ngắn hạn đã thay đổi khá lớn. Công ty ghi nhận giảm ở các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng (-29.700 triệu đồng), các khoản phải thu khách hàng (-12.406 triệu đồng) và hàng tồn kho (-37.166 triệu đồng). Kết quả là Công ty đã ghi nhận một khoản lớn lượng tiền dư thừa có tính thanh khoản cao tồn tại dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền. Bằng các biện pháp đó, Công

ty đã giảm được các chi phí lưu trữ, bảo quản cũng như là các rủi ro sản phẩm tồn đọng, khó tiêu thụ gây hư hỏng, tổn thất và rủi ro thanh khoản của Công ty. Nhờ đó mà Angimex có thể đảm bảo nhu cầu vốn lưu động cho các cơ hội kinh doanh, đầu tư tài sản khi cần thiết, phục vụ cho sự phát triển trong tương lai.

Đối với tài sản dài hạn, Công ty ghi nhận giảm 1,83% trong tổng giá trị, đạt 177.729 triệu đồng tại thời điểm 31/12/2020. Hầu hết các khoản mục trong cấu trúc tài sản dài hạn đều giảm nhưng không đáng kể. Tuy nhiên, trong năm 2020, Công ty vẫn tiếp tục đầu tư mua mới các tài sản cố định hữu hình cũng như vô hình nhằm nâng cao chất lượng quản lý doanh nghiệp, tăng cường hoạt động sản xuất, nghiên cứu, phát triển sản phẩm, nhất là các vật tư nông nghiệp như phân bón.

Tình hình tài sản



Tình hình nợ phải trả

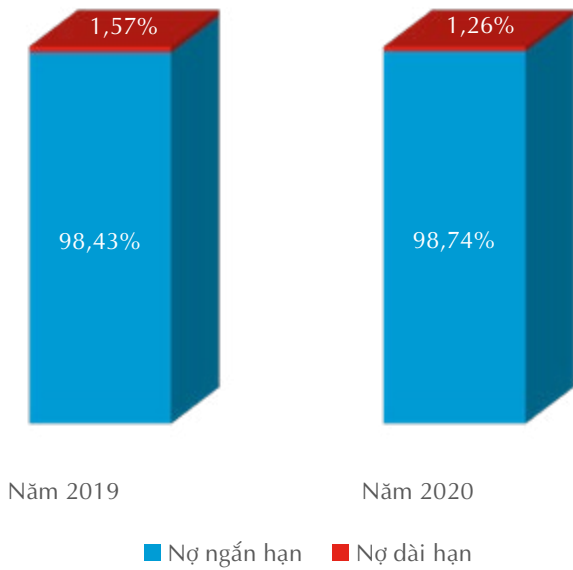
DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Tỷ trọng	Năm 2019	Tỷ trọng	% Tăng, giảm
Nợ ngắn hạn	315.626	98,74%	325.512	98,43%	-3,04%
Nợ dài hạn	4.034	1,26%	5.187	1,57%	-22,24%
Tổng cộng	319.660	100%	330.699	100%	-3,34%

Cơ cấu và giá trị nợ phải trả của Công ty vẫn không thay đổi quá nhiều so với năm 2019. Cụ thể, giá trị nợ ngắn hạn vẫn chiếm trên 98% cấu trúc nợ Công ty với giá trị 315.626 triệu đồng, giảm 3,04% so với năm trước. Trong đó, các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại với lãi suất 2,00 - 4,30%/năm chiếm tỷ trọng lớn (86,78%), có giá trị 273.890 triệu đồng. Tuy nhiên, trong năm do phải đáp ứng điều kiện hoạt động trước tình hình kinh tế, tự nhiên phức tạp, nên Công ty đã phát sinh các khoản vay với tổng giá trị 1.934.236 triệu đồng, làm chi phí lãi vay tăng đột biến trong năm. Ngoài ra, Công ty vẫn duy trì hoàn thành các khoản thanh toán đối với các bên đối tác cung cấp đúng thời hạn, giữ vững uy tín thương hiệu Angimex trong thị trường. Đối với nợ dài hạn, Công ty vẫn duy trì các khoản trích lập hỗ trợ nhân viên thôi

việc có thể đảm bảo các nhu cầu sinh hoạt trong thời gian nhất định với tổng giá trị đạt 3.215 triệu đồng.

Tình hình nợ phải trả



DVT: Triệu đồng

Tại thời điểm 31/12/2020	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL / Nguyên giá
Tài sản cố định hữu hình			
Nhà cửa và vật kiến trúc	137.784	51.894	37,66%
Máy móc và thiết bị	136.175	31.636	23,23%
Phương tiện vận chuyển	17.128	4.475	26,12%
Thiết bị văn phòng	7.576	983	12,98%
Tổng cộng	298.663	88.988	29,80%
Tài sản cố định vô hình			
Quyền sử dụng đất	32.295	29.721	92,03%
Phần mềm máy vi tính	1.547	936	60,49%
Quyền kinh doanh	612	392	64,00%
Tổng cộng	34.454	31.048	90,12%

03 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020, Angimex đã thành lập các công ty con: Công ty TNHH Lương thực Angimex (Angimex Food) từ ngành Gạo vào ngày 01/10/2020, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Angimex (Angimex Trading) từ ngành Thương mại Dịch vụ vào ngày 09/11/2020 và chuyển đổi mô hình Công ty con Dasco từ Công ty cổ phần sang Công ty TNHH vào ngày 26/11/2020.
- Việc thành lập các công ty con nhằm hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo hướng chuyên môn hóa, tạo sự linh hoạt trong quản lý, điều hành các công ty con. Bên cạnh đó, hoạt động huy động vốn cũng linh động hơn, nhà đầu tư và cổ đông có thể đánh giá tiềm năng ở mỗi ngành kinh doanh. Việc thành lập các công ty con cũng không ảnh hưởng đến bất kỳ quyền lợi nào của cổ đông hiện tại.
- Công ty tiếp tục cải tiến hệ thống quản lý để phù hợp hơn với yêu cầu quản trị bằng việc chuyển đổi Ban Kiểm soát Nội bộ thành Ban Kiểm toán Nội bộ, thực hiện tham mưu cho Ban Điều hành, rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện hệ thống quy trình, quy định, chính sách cho Angimex và các Công ty con. Lập và thực hiện kế hoạch kiểm toán theo định hướng rủi ro để giảm thiểu các rủi ro.
- Công ty cũng đã nâng cấp hệ thống Bravo nhằm phục vụ hoạt động điều hành, hoạt động sản xuất kinh doanh nhanh chóng, kịp thời, chính xác. Song song đó, trong năm 2020 Công ty xây dựng định mức sản xuất mới nhằm giảm thiểu thất thoát trong các hoạt động sản xuất, giảm giá thành sản phẩm.



04 Kế hoạch phát triển trong tương lai

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2020	So cùng kỳ
1	Doanh thu thuần hợp nhất	2.174.859	1.960.178	111%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	35.000	30.260	116%
3	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	28.250	24.753	114%

Kế hoạch đầu tư

ĐVT: Triệu đồng

Công ty	Mục đích	Tổng mức đầu tư
Angimex Trading	Mở mới 1 Cửa hàng Thương mại - Dịch vụ, tân trang 2 Head và mua xe tải.	7.200
Dasco	Nâng cấp Chi nhánh Châu Thành, mua máy móc thiết bị, mua xe tải	3.700
Angimex Food	Nâng cấp và đầu tư lò đốt trấu cho Nhà máy Bình Thành, bổ sung cân điện tử và phần mềm tự động cho các kho	7.600
Văn phòng Công ty	Phần mềm Microsoft, mua máy móc thiết bị, dụng cụ quản lý cho văn phòng	1.000
Tổng cộng		19.500



Biện pháp triển khai thực hiện

Angimex Trading

Mở mới 01 cửa hàng tại An Giang/ Kiên Giang.

Đẩy mạnh bán hàng, tăng cường khai thác thêm các dòng sản phẩm ngoài Honda Việt Nam sản xuất (Vario, Raider, Sonic, xe 50cc.v.v..) mà thị trường tiêu thụ tốt.

Mở rộng thị trường, tìm kiếm thêm khách hàng mới ở các huyện/thị trong khu vực ĐBSCL để tăng doanh thu phụ tùng.

Nâng cao chất lượng dịch vụ sửa chữa, dịch vụ bảo dưỡng để tăng hiệu quả hoạt động dịch vụ cho các HEAD/Cửa hàng.

Nâng cao hơn nữa hình ảnh, thương hiệu Angimex Trading bằng các chương trình marketing, khuyến mãi, chương trình 4s, lái xe an toàn, cung cấp kiến thức an toàn giao thông cho trường học. Tiếp tục tìm kiếm thêm dịch vụ/sản phẩm mới phục vụ khách hàng để tăng hiệu quả hoạt động dịch vụ cho các HEAD/Cửa hàng.

Thực hiện đa dạng các chương trình lãi suất ưu đãi cho khách hàng mua trả góp trực tiếp và online.

Phân bón

- Phát triển sản phẩm theo hướng bán giải pháp cho nông dân với bộ sản phẩm phân bón, thuốc BVTV kèm theo hướng dẫn kỹ thuật trong quá trình canh tác. Bộ sản phẩm cũng gồm nhiều loại phân bón, thuốc BVTV phục vụ cho cây trồng trong các giai đoạn sinh trưởng.
- Mở rộng thị trường, phát triển sản phẩm phân bón hữu cơ cao cấp dạng nước (than bùn, phân dơi, phân gà, humate Canada)
- Phát triển cân đối tỷ trọng sản phẩm hữu cơ và vô cơ, hạn chế phụ thuộc vào sản phẩm Dola 02X, phục hồi thị phần sản phẩm Dasvila.
- Xây dựng đội ngũ bán hàng năng động & dịch vụ khách hàng chuyên nghiệp.
- Khẳng định chất lượng để xây dựng thương hiệu Dasco vì một nền nông nghiệp bền vững.

Dasco

Lúa giống

- Tăng cường hoạt động bán hàng, chú trọng các giống sử dụng nhiều: IR 50404, Jasmine 85, Đài thơm 8, DS1, ST 24, OM 18.
- Phát triển thêm khách hàng khu vực biên giới giáp với Campuchia.
- Hợp tác kinh doanh với AF cung cấp các giống OM 5451, Đài thơm 8, DS1, Jasmine 85, Nàng hoa 9 theo nhu cầu của vùng nguyên liệu bán sang thị trường Châu Âu.
- Cung cấp bộ phân bón Dasvila, Dascela, Dola 01F và Dasco nặng cho vùng nguyên liệu AF.
- Cung cấp Lúa giống và phân bón cho vùng nguyên liệu bán sang thị trường Châu Âu của Công ty Angimex Food.
- Mở rộng thêm 50 ha vùng nguyên liệu chuyên sản xuất lúa giống.
- Tiếp tục phối hợp cùng Viện lúa ĐBSCL về các giống OM (OM 5451, OM 18 và các giống khác) để tăng số lượng bán hàng và lợi nhuận.

Dasco

Biện pháp triển khai thực hiện (tt)

Angimex Food

Hoạt động sản xuất thu mua

Các nhà máy chủ động thu mua trên cơ sở số lượng kế hoạch được giao.

Tăng cường mua ngoài để phục vụ cho các hợp đồng giao hàng nhanh, tăng sản lượng tiêu thụ và tăng tồn kho dự trữ.

Phát triển vùng nguyên liệu

Angimex Food hợp tác cùng Lộc Trời phát triển vùng nguyên liệu lúa đạt dư lượng cho thị trường Châu Âu và thị trường nội địa.

Thị trường xuất khẩu

Đối với các hợp đồng dài hạn (bán trước mua sau), đảm bảo tỷ lệ tồn kho tối thiểu và chốt nguồn cung dự trữ từ nguồn bên ngoài, đảm bảo hiệu quả các hợp đồng này.

Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, tăng cường bán hàng cho thị trường EU, tận dụng hiệu quả từ EVFTA.

Tăng cường hoạt động bán hàng tại các thị trường truyền thống như Singapore, Hong Kong, Philippines.

Thị trường nội địa tập trung phát triển

Mở rộng quy mô kinh doanh các kênh B2B, kênh MT, Horeca và bếp ăn Công nghiệp.

Kênh GT: Thu gọn hệ thống đại lý không hiệu quả, chỉ duy trì các đại lý kinh doanh tốt và duy trì hoạt động bán lẻ tại cửa hàng Angimex Food

Tập trung chăm sóc, phát triển nhóm khách hàng ổn định cả xuất khẩu và nội địa.

Hoạt động thương mại

Bổ sung nguồn lực cho hoạt động thương mại, phối hợp cùng công ty C.P Thái Lan nhập khẩu và phân phối hàng hóa.

Tăng cường các công cụ quảng bá như fanpage, website.



05

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Công ty luôn đặt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của mình gắn với trách nhiệm với môi trường và xã hội. Trong suốt những năm qua, Angimex luôn cố gắng cải tiến, đầu tư các thiết bị hiện đại, đảm bảo tiêu chuẩn Việt Nam và Quốc tế, nhằm hạn chế các tác động trong quá trình vận hành đến môi trường và cuộc sống của cộng đồng dân cư xung quanh Công ty. Tất cả các nhà máy đều được đánh giá tác động môi trường hàng năm, đặc biệt là duy trì hệ thống ISO 22000 và HACCP, nhằm đảm bảo tính thân thiện với con người và tự nhiên.

Bên cạnh đó, Angimex đã có nhiều hành động nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi thời tiết đến đời sống người dân. Năm 2020 là một năm ghi nhận sự bất thường của thời tiết khi thiên tai bão lũ đặc biệt nghiêm trọng xảy ra đối với đồng bào miền Trung và tình hình hạn hán, xâm nhập mặn diễn biến phức tạp với khu vực đồng bằng Tây Nam Bộ. Để chia sẻ phần nào mất mát của người dân, Công ty đã vận động cán bộ nhân viên gây quỹ ủng hộ người dân trong vùng ảnh hưởng, gửi các phần quà tiếp tế đến khu vực thiệt hại, giúp người dân khu vực nhanh chóng ổn định hậu thiên tai. Song song đó, Công ty cũng trích một phần quỹ, gửi đến các hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào dịp Lễ Tết, hỗ trợ chi phí giáo dục cho học sinh thông qua Hội khuyến học,...

Ngoài ra, đồng hành cùng Chính phủ và toàn thể người dân khắp cả nước, Công ty đã tổ chức tuyên truyền cán bộ nhân viên về công tác phòng chống đại dịch COVID-19 thông qua các phương tiện truyền thông, bảng tin nội bộ...





Chương IV . BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- » *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*
- » *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty*
- » *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

01 ➤ *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

Về hoạt động kinh doanh

Do chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19, kết quả kinh doanh năm 2021 của Công ty đạt:

- Doanh thu hợp nhất: 1.960.178 triệu đồng, đạt 95% kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 30.260 triệu đồng, đạt 79% kế hoạch.

Trong đó:

- Thương mại dịch vụ lợi nhuận đạt 93% kế hoạch.
- Vật tư nông nghiệp: lợi nhuận đạt 161% kế hoạch.
- Gạo: lợi nhuận đạt 1% kế hoạch.
- Văn phòng Công ty: lợi nhuận đạt 128% kế hoạch.

Về đầu tư cho sản xuất

Hội đồng quản trị đã có những chỉ đạo kịp thời trong việc đầu tư thiết bị, cơ sở vật chất cho các ngành để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh. Đầu tư nâng cấp hệ thống quản trị, góp phần nâng cao công tác quản lý, kiểm soát hiệu quả các mặt hoạt động,... Việc đầu tư luôn được Ban điều hành thực hiện đúng với quy chế, quy định của Công ty.

Về trách nhiệm môi trường và xã hội

Hội đồng quản trị luôn quan tâm và hướng sự phát triển của Công ty phải luôn gắn kết với sự phát triển của cộng đồng, của xã hội. Sản xuất kinh doanh những sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm, an toàn chất lượng, góp phần nâng cao sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người tiêu dùng.



02 ➤ *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty*

- Ban Tổng Giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh theo kế hoạch do ĐHĐCĐ phê chuẩn, tuân thủ đúng pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Ban Tổng Giám đốc triển khai đề án thành lập Công ty con đã được ĐHĐCĐ, HĐQT phê chuẩn theo đúng trình tự và đúng tiến độ đề ra.
- Ban Tổng Giám đốc tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT trong quá trình điều hành kinh doanh Công ty.
- Hoạt động tài chính được thực hiện phù hợp theo pháp luật, quy chế và quy định quản lý tài chính của Công ty.
- Ban Tổng Giám đốc đã có những biện pháp kịp thời trong công tác phòng chống dịch Covid-19 (tiết giảm chi phí, tăng cường kiểm soát dịch,...);
- Hội đồng quản trị ghi nhận và đánh giá cao sự nỗ lực, tinh thần làm việc có trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và tập thể CBNV trong mọi hoạt động của Công ty.





03

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Doanh số hợp nhất

2.174.860.000.000 đồng
111% so với năm 2020

35.000.000.000 đồng
116% so với năm 2020

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất

1

Tập trung xây dựng hoàn thiện hệ thống quản trị của Công ty và các Công ty con;

2

Kiểm toàn cơ cấu tổ chức, nhân sự tại các Công ty;

3

Triển khai thực hiện các dự án đầu tư, tích lũy các dự án giá trị để gia tăng nguồn lực phát triển dài hạn, hiện thực hóa doanh thu, lợi nhuận các dự án đã triển khai;

4

Tăng cường công tác dự báo, theo dõi sát tình hình biến động của thị trường để kịp thời ứng phó và điều chỉnh chiến lược kinh doanh;

5

Tập trung củng cố và mở rộng phát triển thị trường kinh doanh của 03 lĩnh vực: thương mại dịch vụ, lương thực và vật tư nông nghiệp;

6

Đánh giá và quyết định việc đầu tư tài sản, thiết bị máy móc và cơ sở hạ tầng để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

Năm 2021, là năm đầu của Nhiệm kỳ Hội đồng quản trị lần thứ IV (2021 - 2025), Hội đồng quản trị phấn đấu thực hiện thành công định hướng và những trọng trách được ĐHĐCĐ giao phó, đưa Công ty ngày càng phát triển bền vững và mang đến lợi ích tốt nhất cho Người lao động và Cổ đông.





Chương V . QUẢN TRỊ CÔNG TY

- » *Hội đồng quản trị*
- » *Ban kiểm soát*
- » *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích*



Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP	
			CP đại diện	CP cá nhân
1	Nguyễn Văn Tiến	Chủ tịch HĐQT	11,17%	0,56%
2	Vũ Thu Mười	Thành viên HĐQT	0%	0%
3	Đoàn Minh Thư	Thành viên HĐQT	0%	0%
4	Võ Bình	Thành viên HĐQT	0%	0%
5	Lê Văn Huy	Thành viên HĐQT	17%	0%

Danh sách thay đổi thành viên trong HĐQT

STT	Thành viên	Chức vụ	Thay đổi
1	Võ Bình	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm tháng 06/2020
2	Lê Văn Huy	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm tháng 06/2020
3	Chu Thị Phương Anh	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm tháng 06/2020
4	Trịnh Văn Bảo	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm tháng 06/2020

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực, tuân thủ các quy định chung đối với hoạt động của Hội đồng quản trị; chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Điều hành trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã đề ra

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ	Lý do không tham dự họp
			HĐQT tham dự	tham dự họp	
1	Nguyễn Văn Tiến	Chủ tịch HĐQT	15/15	100%	
2	Vũ Thu Mười	Thành viên HĐQT	02/15	13%	Công tác và có ủy quyền dự họp
3	Đoàn Minh Thư	Thành viên HĐQT	04/15	27%	Công tác và có ủy quyền dự họp
4	Võ Bình	Thành viên HĐQT	08/15	53%	Công tác và có ủy quyền dự họp
5	Lê Văn Huy	Thành viên HĐQT	13/15	87%	Công tác và có ủy quyền dự họp
6	Chu Thị Phương Anh	Thành viên HĐQT	0/7	0%	Công tác và có ủy quyền Ông Lê Văn Huy dự họp; miễn nhiệm tháng 06/2020
7	Trịnh Văn Bảo	Thành viên HĐQT	01/07	14%	Công tác và có ủy quyền dự họp; miễn nhiệm tháng 06/2020



Các quyết định, nghị quyết của HĐQT

Hội đồng quản trị đã tổ chức 15 phiên họp, trong đó có 7 phiên họp trực tiếp và 08 phiên họp được tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số NQ	Ngày	Nội dung
1	56/NQ-HĐQT	20/02/2020	- Ghi nhận Kết quả kinh doanh Quý IV/2019 và năm 2019.
			- Thông qua số liệu kế hoạch kinh doanh năm 2020.
			- Thông qua chủ trương mua thiết bị từ Dasco và lắp đặt cho Ngành Gạo.
2	57/NQ-HĐQT	20/02/2020	Đề cử nhân sự thay thế vào Ban chấp hành Hiệp hội Lương thực Việt Nam.
3	58/NQ-HĐQT		Thông qua tổng hạn mức tín dụng năm 2020 tại các ngân hàng.
4	150/NQ-HĐQT	24/03/2020	- Thông qua việc khen thưởng hoàn thành KHKD năm 2019.
			- Thông qua dự thảo Quy chế lương, thưởng và các khoản phụ cấp công tác, hỗ trợ chi phí và phúc lợi Công ty Angimex đã được sửa đổi.
			- Ghi nhận báo cáo của Ban điều hành về sự việc liên quan đến việc sản xuất phân bón Dola 02X bên ngoài Dasco.
			- Thông qua dự thảo các quy chế, quy định của Công ty Dasco đã điều chỉnh để phù hợp với thực tế tại Dasco và theo hệ thống quản lý của Công ty mẹ Angimex, bao gồm:
			+ Quy chế quản lý tài chính
5	191/NQ-HĐQT	07/04/2020	+ Quy chế lương, thưởng
			+ Quy định phân cấp quản trị và quy định khung lương
			Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang trước ngày 30/06/2020.
6	194/NQ-HĐQT	13/04/2020	1. Thông qua các tài liệu Đại hội đồng cổ đông 2020:
			+ Thống nhất trình Đại hội về nội dung Chương trình Đại hội
			+ Thống nhất trình Đại hội về việc thành lập các Ban chuyên trách, Chủ tọa và Thư ký tại Đại hội
			+ Thống nhất trình Đại hội dự thảo Quy chế làm việc tại Đại hội
			+ Thống nhất trình đại hội các Báo cáo của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát
			+ Thống nhất để Người đại diện theo pháp luật tổng hợp thành Báo cáo thường niên năm 2019 và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật
			+ Thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông về việc phân phối lợi nhuận năm 2019
			+ Ban Kiểm soát trình Đại hội cổ đông thông qua Tờ trình chọn Công ty kiểm toán cho năm 2020
			+ Thống nhất trình Đại hội mức chi Thù lao và khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký năm 2020
			+ Ghi nhận đề án thành lập công ty con trực thuộc Angimex.
7	195/NQ-HĐQT	13/04/2020	2. Thống nhất chủ trương dừng hoạt động dự án chuỗi cửa hàng bán lẻ A-Store
7	195/NQ-HĐQT	13/04/2020	Trình Đại hội cổ đông thường niên các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020
8	223/NQ-HĐQT	28/04/2020	Thống nhất thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020



STT	Số NQ	Ngày	Nội dung
9	255/NQ-HĐQT	25/05/2020	- Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2020 điều chỉnh
			- Thông qua Kế hoạch đầu tư năm 2020 điều chỉnh
			- Thông qua ngân sách hoạt động năm 2020
			- Thống nhất cập nhật lại các tài liệu trình ĐHĐCĐ theo kế hoạch điều chỉnh nêu trên và trình số liệu hợp nhất
			- Thống nhất thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2020
			- Thông qua các tài liệu đã cập nhật lại số liệu kế hoạch điều chỉnh
			- Thống nhất để Người đại diện theo pháp luật cập nhật lại các nội dung điều chỉnh tại mục 1 nêu trên trong Báo cáo thường niên năm 2019 và thực hiện công bố thông tin lại theo quy định của pháp luật.
			- Thống nhất Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông đề án thành lập công ty con trực thuộc Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang
10	256/NQ-HĐQT	25/05/2020	- Ghi nhận Kết quả kinh doanh Quý 01 năm 2020
			- Thông qua việc bổ nhiệm Quyền Giám đốc ngành Gạo
			- Thông qua việc Phó Tổng Giám đốc thường trực thôi phụ trách ngành Gạo.
			Thông qua dự thảo Quy chế quản lý tài chính đã được sửa đổi.
11	257/NQ-HĐQT	25/05/2020	Trình Đại hội cổ đông thường niên các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 điều chỉnh
12	331/NQ-HĐQT	30/06/2020	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang
13	332/NQ-HĐQT	30/06/2020	Chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2020
14	333/NQ-HĐQT	30/06/2020	Về việc miễn nhiệm, đề cử và bầu cử thành viên HĐQT tại Công ty CP Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp (Dasco)
15	338/NQ-HĐQT	02/07/2020	Thống nhất thời gian chi trả cổ tức năm 2019
16	425/NQ-HĐQT	14/09/2020	- Ghi nhận Kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2020
			- Thông qua Kế hoạch kinh doanh 06 tháng cuối năm 2020
			- Thực hiện chi thù lao các TV.HĐQT, BKS và Thư ký 06 tháng đầu năm 2020 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
			- Thông qua việc chi trả trợ cấp thôi việc cho Ông Võ Thanh Bào
17	426/NQ-HĐQT	14/09/2020	1. Thông qua việc miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang;
			2. Thông qua việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.
18	427/NQ-HĐQT	14/09/2020	Thành lập các Công ty con trực thuộc Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang:
			- Thành lập Công ty TNHH Lương thực Angimex
			- Thành lập Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Angimex
			- Và chuyển đổi Dasco từ Công ty CP sang Công ty TNHH Một thành viên
19	451/NQ-HĐQT	24/09/2020	- Thông qua Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty mẹ và các Công ty con trực thuộc Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang
			- Bổ nhiệm nhân sự tại các công ty con
			- Cử Người đại diện thay thế tại các Công ty liên doanh liên kết và Công ty con
			- Thông qua quy định Phân cấp quản trị và Quy định khung lương các Công ty con
			- Thông qua dự thảo Điều lệ của các Công ty con



STT	Số NQ	Ngày	Nội dung
20	452/NQ-HĐQT	24/09/2020	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Nhân sự hành chính Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang
21	478/NQ-HĐQT	29/09/2020	Bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Angimex
22	490/NQ-HĐQT	08/10/2020	Thông qua việc điều chỉnh lại tên gọi của các Phân xưởng, Nhà máy thuộc Công ty TNHH Lương thực Angimex
23	518/NQ-HĐQT	29/10/2020	Thông qua:
			1. Quy chế quản lý Tài chính
			2. Quy chế Lương, thưởng của các Công ty con trực thuộc Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang, bao gồm:
			a. Công ty TNHH Lương thực Angimex
			b. Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Angimex
24	597/NQ-HĐQT	22/12/2020	Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp
			1. Ghi nhận Kết quả kinh doanh quý III, 09 tháng đầu năm 2020
			2. Ghi nhận Kế hoạch kinh doanh quý IV năm 2020
			3. Kế hoạch kinh doanh năm 2021
			- Chưa thông qua KHKD năm 2021. (BĐH bổ sung theo góp ý và trình lại).
			4. Chiến lược Công ty giai đoạn 05 năm 2021- 2025
			- Chưa thông qua chiến lược Công ty giai đoạn 05 năm 2021 - 2025 (BĐH bổ sung theo góp ý và trình lại).
			5. Cử Người đại diện thay thế Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - An Giang
			6. Thanh lý thiết bị lạc hậu, không cần dùng
			7. Bán cổ phiếu VPS do công ty Dasco sở hữu
25	598/NQ-HĐQT	22/12/2020	8. Thống nhất bổ nhiệm ông Trần Hoàng An tiếp tục làm Tổng Giám đốc và là Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 30/06/2021
			9. Thống nhất bổ nhiệm Kiểm soát viên các Công ty con
25	598/NQ-HĐQT	22/12/2020	Thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Công ty TNHH Lương thực Angimex (Angimex Food)

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban chuyên trách mà hoạt động thông qua các Phòng chức năng của Công ty, phân công cho người phụ trách Phòng về từng vấn đề như lương thưởng, nhân sự, đầu tư phát triển để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

02 Ban Kiểm soát

Danh sách Kiểm soát viên

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu và đại diện	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Ái	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-
2	Vũ Lê Cường	Kiểm soát viên	-	-
3	Tạ Thị Hồng Thắm	Kiểm soát viên	-	-

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Ái	Trưởng Ban Kiểm soát	02/02	100%	-
2	Trần Hữu Hiệp	Kiểm soát viên	01/02	50%	Miễn nhiệm tháng 06/2020
3	Vũ Lê Cường	Kiểm soát viên	02/02	100%	-
4	Tạ Thị Hồng Thắm	Kiểm soát viên	01/02	50%	Bổ nhiệm tháng 06/2020

Danh sách thay đổi Kiểm soát viên

STT	Thành viên	Chức vụ	Thay đổi
1	Tạ Thị Hồng Thắm	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm tháng 06/2020
2	Trần Hữu Hiệp	Kiểm soát viên	Miễn nhiệm tháng 06/2020

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

- BKS giám sát việc ban hành các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT. Các nghị quyết được ban hành trên cơ sở tuân thủ pháp luật, Điều lệ và quy chế quản trị nội bộ của Công ty.
- Giám sát việc tổ chức thực hiện các công việc của HĐQT: tổ chức thực hiện kế hoạch SXKD, thực hiện kế hoạch đầu tư,... Nhìn chung, hoạt động của HĐQT phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp trong công tác quản lý, điều hành kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc: Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong việc quản lý điều hành, không vượt quá phạm vi thẩm quyền theo quy định của Điều lệ và quy định của Công ty.
- Ban kiểm soát thẩm tra tính chính xác Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán bởi Công ty E&Y: Công tác kế toán thể hiện tính nhất quán, phù hợp, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực các số liệu tài chính và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Tổng Giám đốc - là Người đại diện theo pháp luật - đã chấp hành đầy đủ và nghiêm túc quy định của pháp luật về công bố thông tin.



03 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

DVT: Đồng

TT	Thành viên	Thù lao năm 2020
1	Hội đồng quản trị	1.320.000.000
2	Ban Kiểm soát	216.000.000
3	Thư ký	24.000.000
	Tổng cộng	1.560.000.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Việc quản trị Công ty luôn được Angimex chú trọng hàng đầu và được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty nhằm đảm bảo thực hiện các hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất. Vì mục tiêu, lợi ích của Angimex và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Công ty một cách hiệu quả, khuyến khích Công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất, Angimex đã ban hành hệ thống các quy chế quản lý nội bộ nhằm tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa với lợi ích của các bên liên quan bao gồm khách hàng, người lao động và cộng đồng.

Trong năm 2020, Angimex tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị mang bản sắc, giá trị cốt lõi của riêng Công ty, tối ưu hóa các công cụ quản trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng năng suất lao động, đồng thời phải gắn được lợi ích của từng cá nhân với hiệu quả hoạt động của Công ty. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên HĐQT và BTGD thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán và các lớp học quản trị Công ty. Từ đó, Ban lãnh đạo Công ty có thể hiểu rõ các quy định trong văn bản hướng dẫn Luật mới, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

DVT: Đồng

Giao dịch liên quan	Năm 2020	Năm 2019
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - An Giang	2.919.097.533	2.948.927.527
- Bán sản phẩm (gạo, tấm)	45.707.000	110.542.500
- Mua hàng hóa	-	81.335.091
- Thù lao HĐQT	108.000.000	53.333.334
- Bán phụ tùng Honda	-	294.700
- Nhận chia Cổ tức	2.765.390.533	2.703.421.902
Công ty TNHH Angimex - Kitoku	26.467.900.200	20.103.536.274
- Bán sản phẩm (gạo, tấm ...)	24.839.141.400	17.389.050.000
- Bán sản phẩm (Angimex cho Kitoku thuê kho)	699.958.800	953.244.200
- Trả hộ tiền điện, tiền nước (Angimex trả tiền điện, nước cho Kitoku và thu tiền lại)	-	17.492.074
- Nhận chia cổ tức	928.800.000	1.743.750.000
Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp (Dasco)	2.198.173.430	6.916.995.400
- Bán sản phẩm (gạo, tấm)	16.650.000	16.855.500
- Bán sản phẩm (lúa giống)	-	6.574.313.900
- Bán sản phẩm (bao bì)	-	235.826.000
- Bán hàng hóa	6.009.818	-
- Mua lúa giống	1.323.908.000	-
- Bán sản phẩm (Angimex cho Dasco thuê kho)	180.000.000	90.000.000
- Mua tài sản	500.000.000	-
- Lãi vay + trả chậm	171.605.612	-
Công ty CP Dược Lâm Đồng - LADOPHAR	100.230.132	461.696.480
- Mua dược phẩm	100.230.132	382.933.860
- Bán hàng hóa	-	18.762.620
- Hỗ trợ lắp dựng bảng hiệu (Ladophar hỗ trợ Angimex)	-	60.000.000
Công ty TNHH Lương thực Angimex	301.884.690.773	-
- Bán hàng hóa+ bao bì	157.660.748.174	-
- Thuê hệ thống, phí dịch vụ quản lý	6.177.208.988	-
- Lãi vay	570.000.000	-
- Mua hàng hóa	51.697.366.218	-
- Nhận ủy thác xuất khẩu	85.779.367.393	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Angimex	18.315.974.645	-
- Bán hàng hóa + bao bì	15.531.052.189	-
- Thuê hệ thống, phí dịch vụ quản lý	2.180.000.000	-
- Lãi vay	59.467.916	-
- Mua hàng hóa	545.454.540	-



Chương VI . BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2020

» Ý kiến kiểm toán

» Báo cáo tài chính



Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61063740/21998578-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang và công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 15 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phạm Thị Cẩm Tú
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2266-2018-004-1

Đinh Anh Thư
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 4635-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		580.877.187.087	591.014.352.024
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	108.240.348.675	37.378.388.934
111	1. Tiền		18.740.348.675	6.408.388.934
112	2. Các khoản tương đương tiền		89.500.000.000	30.970.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		164.750.000.000	194.705.824.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	185.824.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	164.750.000.000	194.520.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		87.708.223.563	100.456.913.716
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	64.572.789.340	76.978.718.897
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	24.206.450.322	25.159.230.721
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	4.712.759.745	3.923.476.630
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7, 8	(5.783.775.844)	(5.604.512.532)
140	IV. Hàng tồn kho	9	215.381.629.623	252.547.541.220
141	1. Hàng tồn kho		220.300.339.285	262.381.303.608
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.918.709.662)	(9.833.762.388)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.796.985.226	5.925.684.154
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	890.574.892	1.187.182.890
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	3.906.410.334	4.738.501.264

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		177.728.504.436	181.047.763.221
210	I. Phải thu dài hạn		632.000.000	800.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		632.000.000	800.000.000
220	II. Tài sản cố định		120.036.013.359	121.993.064.852
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	88.987.918.004	93.147.168.255
222	Nguyên giá		298.663.131.373	288.809.755.325
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(209.675.213.369)	(195.662.587.070)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	31.048.095.355	28.845.896.597
228	Nguyên giá		34.453.828.246	31.560.119.246
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.405.732.891)	(2.714.222.649)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		557.275.398	31.048.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		557.275.398	31.048.000
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	48.898.555.148	48.905.397.511
252	1. Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết		48.818.555.148	48.825.397.511
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		19.950.000	19.950.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(19.950.000)	(19.950.000)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		80.000.000	80.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		7.604.660.531	9.318.252.858
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	6.578.203.182	8.125.170.711
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	1.026.457.349	1.193.082.147
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		758.605.691.523	772.062.115.245

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		319.659.586.375	330.698.563.776
310	I. Nợ ngắn hạn		315.626.085.041	325.511.521.333
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	14.177.366.771	20.351.507.866
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	6.788.104.809	8.113.819.532
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	4.118.509.735	5.839.458.249
314	4. Phải trả người lao động	17	5.213.127.392	9.487.508.599
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	2.337.896.099	2.719.827.450
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	61.818.182
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	4.916.906.966	4.510.473.709
320	8. Vay ngắn hạn	19	273.889.500.000	269.489.539.962
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	4.184.673.269	4.937.567.784
330	II. Nợ dài hạn		4.033.501.334	5.187.042.443
337	1. Phải trả dài hạn khác		818.181.818	818.181.818
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	21	3.215.319.516	4.368.860.625
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		438.946.105.148	441.363.551.469
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	438.946.105.148	441.363.551.469
411	1. Vốn cổ phần	22.1	182.000.000.000	182.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		182.000.000.000	182.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển	22.1	120.464.000.000	120.464.000.000
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	22.1	5.021.000.000	5.021.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.1	131.461.105.148	133.519.123.735
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		107.039.123.735	93.233.662.782
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		24.421.981.413	40.285.460.953
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	22.5	-	359.427.734
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		758.605.691.523	772.062.115.245

KẾ TOÁN

Tôn Văn Chí
Người lậpTrần Thị Cẩm Châm
Kế toán trưởngTrần Hoàng An
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	1.961.400.276.558	2.120.478.937.892
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(1.222.389.701)	(832.753.565)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	1.960.177.886.857	2.119.646.184.327
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(1.805.892.402.623)	(1.939.795.901.259)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		154.285.484.234	179.850.283.068
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	16.071.145.715	10.043.366.333
22	7. Chi phí tài chính	25	(18.000.479.885)	(12.706.881.092)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(15.403.640.289)	(10.604.887.784)
24	8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	12	3.687.348.170	6.257.574.741
25	9. Chi phí bán hàng	26	(114.020.091.109)	(123.921.543.620)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(19.968.519.203)	(20.006.546.004)
30	11. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		22.054.887.922	39.516.253.426
31	12. Thu nhập khác	28	9.475.193.221	8.879.845.251
32	13. Chi phí khác	28	(1.269.950.144)	(1.050.270.658)
40	14. Lợi nhuận khác	28	8.205.243.077	7.829.574.593
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		30.260.130.999	47.345.828.019
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(5.340.952.522)	(6.966.995.708)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	29.3	(166.624.798)	(57.763.824)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		24.752.553.679	40.321.068.487
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		24.734.124.627	40.285.460.953
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	22.5	18.429.052	35.607.534
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	1.359	2.159
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	34	1.359	2.159

Tôn Văn Chí
Người lậpTrần Thị Cẩm Châm
Kế toán trưởngTrần Hoàng An
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		30.260.130.999	47.345.828.019
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	18.472.807.075	19.807.827.977
03	Hoàn nhập dự phòng		(2.935.042.154)	(3.830.953.441)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		240.951.795	95.782.652
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(16.132.664.069)	(15.624.079.134)
06	Chi phí lãi vay	25	15.403.640.289	10.604.887.784
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		45.309.823.935	58.399.293.857
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		17.748.907.555	(39.560.227.717)
10	Giảm hàng tồn kho		42.080.964.323	33.491.197.772
11	Giảm các khoản phải trả		(17.426.212.238)	(31.457.838.827)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		1.843.575.527	(23.622.369)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		185.824.000	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(15.502.257.092)	(9.845.125.268)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(7.070.390.529)	(2.458.364.499)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.906.328.957)	(2.703.321.694)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		64.263.906.524	5.841.991.255
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(19.379.765.776)	(14.938.017.874)
22	Tiền thu thanh lý tài sản cố định		-	286.427.386
23	Chi tiền gửi kỳ hạn ngân hàng		(394.140.000.000)	(498.540.000.000)
24	Thu tiền gửi kỳ hạn ngân hàng		423.910.000.000	332.920.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(7.785.916.333)
27	Tiền thu lãi ngân hàng, cổ tức nhận được		17.523.860.955	10.075.599.300
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		27.914.095.179	(177.981.907.521)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay đã nhận	19	1.934.236.328.085	1.578.102.890.628
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	19	(1.930.072.268.047)	(1.400.996.463.760)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông	22.3	(25.480.000.000)	(9.100.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(21.315.939.962)	168.006.426.868

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		70.862.061.741	(4.133.489.398)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		37.378.388.934	41.512.435.942
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		(102.000)	(557.610)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	108.240.348.675	37.378.388.934


Tôn Văn Chí
Người lập

Trần Thị Cẩm Châm
Kế toán trưởng

Trần Hoàng An
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang ("Công ty"), tiền thân là Công ty Ngoại thương An Giang, được thành lập theo Quyết định số 73/QĐ-76 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh An Giang cấp ngày 23 tháng 7 năm 1976. Công ty được chấp thuận chuyển sang hình thức công ty cổ phần theo Quyết định số 1385/QĐ-CTUB ngày 12 tháng 5 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh An Giang và chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5203000083 ngày 27 tháng 12 năm 2007, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ 23 ngày 3 tháng 12 năm 2019.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 143/2012/SGD-HCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2012.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là xay xát thóc lúa; đánh bóng và xuất khẩu gạo; mua bán lương thực và thực phẩm; mua bán xe gắn máy và phụ tùng; sản xuất phân bón và mua bán hóa chất nông nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại số 1 Đường Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 338 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 350).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 3 công ty con trực tiếp như sau:

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết
				%
1.	Công ty TNHH Lương thực Angimex ("AGMF")	Long Xuyên, An Giang	Kinh doanh lương thực	100
2.	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Angimex ("AGMST")	Long Xuyên, An Giang	Mua bán xe gắn máy và phụ tùng; và dịch vụ sửa chữa.	100
3.	Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp (Trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp) ("DASCO")	Cao Lãnh, Đồng Tháp	Sản xuất phân bón	100

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3)

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi các cổ đông của Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng, các khoản trả trước cho người bán và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm vi tính	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	46 - 49 năm
Quyền kinh doanh	5 năm
Khác	3 - 10 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm khi phát sinh.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên doanh

Phần vốn góp của Nhóm Công ty trong đơn vị liên doanh được hạch toán theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các đơn vị liên doanh sau ngày Công ty tham gia liên doanh được hạch toán vào mục thu nhập trên báo cáo hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm của Nhóm Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương lai tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên, và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

► Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phân phối lợi nhuận thuần (tiếp theo)

► Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

► Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ này được trích lập theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.18 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính này.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	652.431.321	481.909.327
Tiền gửi ngân hàng	18.087.917.354	5.926.479.607
Các khoản tương đương tiền (*)	89.500.000.000	30.970.000.000
TỔNG CỘNG	108.240.348.675	37.378.388.934

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất từ 3,3% tới 3,5% một năm.

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng Thương mại Cổ phần có thời hạn sáu (6) tới mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 4,9% tới 6,55% một năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng khác	64.572.789.340	76.973.243.897
- Công ty TNHH thực phẩm Orion Vina	5.304.260.000	6.734.750.000
- Công ty TNHH Anheuser-Busch Inbev Việt Nam	4.635.000.000	-
- Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	3.902.203.723	6.560.188.162
- Công ty TNHH Bia Carlsberg Việt Nam	-	7.283.869.400
- Necoce Comptoir De L'oi	-	5.001.341.406
- Các khách hàng khác	50.731.325.617	51.393.094.929
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 30)	-	5.475.000
TỔNG CỘNG	64.572.789.340	76.978.718.897
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.835.213.320)	(5.604.512.532)
GIÁ TRỊ THUẦN	59.737.576.020	71.374.206.365

Nhóm Công ty đã thế chấp một phần khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay (Thuyết minh số 19).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên khác	23.677.576.322	24.630.356.721
- Công ty Honda Việt Nam	19.742.666.288	7.536.864.882
- Nông dân	1.084.275.000	6.081.156.000
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp	-	6.220.000.000
- Ông Võ Đức Tuấn	-	1.850.000.000
- Các nhà cung cấp khác	2.850.635.034	2.942.335.839
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	528.874.000	528.874.000
TỔNG CỘNG	24.206.450.322	25.159.230.721
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(658.823.000)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	23.547.627.322	25.159.230.721

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tiền phạt hợp đồng	1.078.038.000	-
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	1.004.250.412	2.280.128.026
Tạm ứng cho nhân viên	469.637.040	597.824.747
Các khoản khác	2.160.834.293	1.045.523.857
TỔNG CỘNG	4.712.759.745	3.923.476.630
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(289.739.524)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	4.423.020.221	3.923.476.630

9. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	126.763.241.926	(2.966.436.940)	146.773.764.207	(4.243.490.179)
Thành phẩm	72.018.353.334	-	74.268.495.460	(3.354.288.949)
Nguyên vật liệu	15.906.111.770	(1.952.272.722)	35.518.865.925	(2.235.983.260)
Công cụ, dụng cụ	4.711.813.012	-	2.807.750.015	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	900.819.243	-	617.495.672	-
Hàng gửi đi bán	-	-	2.394.932.329	-
TỔNG CỘNG	220.300.339.285	(4.918.709.662)	262.381.303.608	(9.833.762.388)

Nhóm Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh số 19).



Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

9. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(9.833.762.388)	(10.082.672.564)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(2.666.660.312)	(9.833.762.388)
Trừ: Sử dụng, hoàn nhập dự phòng trong năm	7.581.713.038	10.082.672.564
Số cuối năm	<u>(4.918.709.662)</u>	<u>(9.833.762.388)</u>



Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm	131.301.069.596	132.412.535.097	16.920.745.521	8.175.405.111	288.809.755.325
Mua sắm mới	6.887.790.719	6.910.199.771	-	322.359.000	14.120.349.490
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	373.323.205	228.091.405	207.347.591	-	808.762.201
Phân loại lại	-	647.138.328	-	(647.138.328)	-
Thanh lý trong năm	(778.411.043)	(4.022.911.700)	-	(274.412.900)	(5.075.735.643)
Số cuối năm	137.783.772.477	136.175.052.901	17.128.093.112	7.576.212.883	298.663.131.373
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	34.801.383.232	48.028.786.648	4.317.007.143	4.956.013.505	92.103.190.528
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(79.126.723.761)	(98.459.842.554)	(11.283.343.491)	(6.792.677.264)	(195.662.587.070)
Khấu hao trong năm	(6.906.127.619)	(9.025.002.695)	(1.370.178.680)	(479.987.839)	(17.781.296.833)
Phân loại lại	-	(577.002.567)	-	577.002.567	-
Thanh lý trong năm	143.573.588	3.522.911.700	-	102.185.246	3.768.670.534
Số cuối năm	(85.889.277.793)	(104.538.936.116)	(12.653.522.171)	(6.593.477.289)	(209.675.213.369)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	52.174.345.835	33.952.692.543	5.637.402.030	1.382.727.847	93.147.168.255
Số cuối năm	51.894.494.684	31.636.116.785	4.474.570.941	982.735.594	88.987.918.004

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Quyền kinh doanh	Tổng cộng
VND				
Nguyên giá:				
Số đầu năm	30.388.435.246	596.384.000	575.300.000	31.560.119.246
Mua trong năm	1.906.535.000	950.174.000	37.000.000	2.893.709.000
Số cuối năm	32.294.970.246	1.546.558.000	612.300.000	34.453.828.246
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	-	-	47.909.000	47.909.000
Gía trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	(2.168.060.364)	(443.264.000)	(102.898.285)	(2.714.222.649)
Hao mòn trong năm	(406.224.551)	(167.759.027)	(117.526.664)	(691.510.242)
Số cuối năm	(2.574.284.915)	(611.023.027)	(220.424.949)	(3.405.732.891)
Gía trị còn lại:				
Số đầu năm	28.220.374.882	153.120.000	472.401.715	28.845.896.597
Số cuối năm	29.720.685.331	935.534.973	391.875.051	31.048.095.355

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Gía gốc	Dự phòng	Gía gốc	Dự phòng
VND				
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	48.818.555.148	-	48.825.397.511	-
Trái phiếu (*)	80.000.000	-	80.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	19.950.000	(19.950.000)	19.950.000	(19.950.000)
TỔNG CỘNG	48.918.505.148	(19.950.000)	48.925.347.511	(19.950.000)

(*) Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lý Thường Kiệt.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết như sau:

Công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Số đầu năm và cuối năm
			Tỷ lệ sở hữu (%)

Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – An Giang	Đang hoạt động	Siêu thị	25
Công ty TNHH Angimex – Kitoku	Đang hoạt động	Xuất nhập khẩu gạo	32,96

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

	VND	
	Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – An Giang	Công ty TNHH Angimex – Kitoku
Gía trị đầu tư		
Số đầu năm và cuối năm	11.500.000.000	2.951.148.000
Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết		
Số đầu năm	8.635.673.646	25.738.575.865
Phân phối lợi nhuận trong năm	2.310.178.164	1.377.170.006
Cổ tức được chia trong năm	(2.765.390.533)	(928.800.000)
Số cuối năm	8.180.461.277	26.186.945.871
Gía trị còn lại		
Số đầu năm	20.135.673.646	28.689.723.865
Số cuối năm	19.680.461.277	29.138.093.871

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí thuê văn phòng	890.574.892	1.187.182.890
Công cụ dụng cụ	265.200.332	331.487.500
Khác	126.670.023	283.480.917
	498.704.537	572.214.473
Dài hạn		
Chi phí san lấp mặt bằng	6.578.203.182	8.125.170.711
Công cụ, dụng cụ	3.183.916.147	3.322.413.804
Khác	909.012.793	1.580.121.697
	2.485.274.242	3.222.635.210
TỔNG CỘNG	7.468.778.074	9.312.353.601

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Honda Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	11.900.465.048	11.667.497.346
Khác	2.276.901.723	8.684.010.520
TỔNG CỘNG	14.177.366.771	20.351.507.866

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba	6.788.104.809	7.223.869.532
- Công ty TNHH Đầu tư TMDV Cánh Đồng Vàng	3.167.500.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Dũng Hồng Phát	622.041.523	-
- Saga Foodstuffs Manufacturing Pte., Ltd.	-	2.265.017.948
- Công ty TNHH XNK Vimex	-	1.606.165.357
- Others	2.998.563.286	3.352.686.227
Bên liên quan (Thuyết minh số 30)	-	889.950.000
TỔNG CỘNG	6.788.104.809	8.113.819.532

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.568.694.102	5.340.952.522	(7.070.390.529)	3.839.256.095
Thuế thu nhập cá nhân	269.848.747	1.093.835.801	(1.084.430.908)	279.253.640
Thuế GTGT	915.400	83.772.405	(84.687.805)	-
TỔNG CỘNG	5.839.458.249	6.518.560.728	(8.239.509.242)	4.118.509.735
Phải thu				
Thuế GTGT	4.738.501.264	65.059.189.771	(65.891.280.701)	3.906.410.334

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	661.145.713	759.762.516
Chiết khấu thương mại	436.614.299	671.118.434
Chi phí vận chuyển	117.253.153	613.223.455
Thù lao cho Hội Đồng Quản trị	624.500.000	360.000.000
Các khoản khác	498.382.934	315.723.045
TỔNG CỘNG	2.337.896.099	2.719.827.450

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả về cổ phần hóa (*)	2.417.578.793	2.417.578.793
Kinh phí công đoàn	1.338.914.893	1.373.870.893
Các khoản phải trả khác	1.160.413.280	719.024.023
TỔNG CỘNG	4.916.906.966	4.510.473.709

(*) Đây là khoản phải trả cho Sở Tài chính Tỉnh An Giang liên quan đến những giao dịch bán hộ tài sản của Nhà nước trong giai đoạn cổ phần hóa Công ty.



Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

19. VAY NGẮN HẠN

VND

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm			Số cuối năm
		Giải ngân nợ vay	Trả nợ gốc vay	Chênh lệch tỷ giá	
Vay ngắn hạn ngân hàng	269.489.539.962	1.934.236.328.085	(1.930.072.268.047)	235.900.000	273.889.500.000

Các khoản vay ngắn hạn được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty. Chi tiết cụ thể như sau:

Bên cho vay	Nguyên tệ (USD)	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn	Lãi suất % năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 8, 8)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	-	141.489.500.000	Từ ngày 17 tháng 2 năm 2021 đến ngày 29 tháng 3 năm 2021	4,00	Hàng tồn kho và các khoản phải thu với giá trị tối thiểu tương đương với dư nợ gốc và lãi vay
	6.100.000	102.000.000.000	Từ ngày 19 tháng 2 năm 2021 đến ngày 25 tháng 3 năm 2021	2,00	
Ngân Hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	28.000.000.000	Từ ngày 13 tháng 1 năm 2021 đến ngày 3 tháng 3 năm 2021	Từ 4,0 đến 4,3	Hàng tồn kho và các khoản phải thu với giá trị tối thiểu tương đương với dư nợ gốc và lãi vay
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang	-	2.400.000.000	Ngày 23 tháng 6 năm 2021	4,30	Tín chấp
TỔNG CỘNG		273.889.500.000			



Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

		VND
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.937.567.784	7.390.032.810
Trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh số 22.1)	1.000.000.000	-
Sử dụng quỹ	(1.752.894.515)	(2.452.465.026)
Số cuối năm	<u>4.184.673.269</u>	<u>4.937.567.784</u>

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản trợ cấp thôi việc cho nhân viên.



Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tăng (giảm) vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (*)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	182.000.000.000	120.464.000.000	5.021.000.000	102.333.662.782	409.818.662.782
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	40.285.460.953	40.285.460.953
Cổ tức công bố	-	-	-	(9.100.000.000)	(9.100.000.000)
Số cuối năm	<u>182.000.000.000</u>	<u>120.464.000.000</u>	<u>5.021.000.000</u>	<u>133.519.123.735</u>	<u>441.004.123.735</u>
Năm nay					
Số đầu năm	182.000.000.000	120.464.000.000	5.021.000.000	133.519.123.735	441.004.123.735
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	24.734.124.627	24.734.124.627
Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	-	-	(312.143.214)	(312.143.214)
Cổ tức công bố (**)	-	-	-	(25.480.000.000)	(25.480.000.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Số cuối năm	<u>182.000.000.000</u>	<u>120.464.000.000</u>	<u>5.021.000.000</u>	<u>131.461.105.148</u>	<u>438.946.105.148</u>

(*) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu thể hiện quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, được trích lập nhằm dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Công ty và được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

(**) Trong năm, Công ty đã công bố cổ tức bằng tiền với tổng giá trị là 25.480.000.000 VND (tương đương 14% mệnh giá) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 305/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020, và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 338/NQ-HĐQT ngày 2 tháng 7 năm 2020.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Chi tiết vốn cổ phần

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 2019

	Giá trị (VND)	Số lượng cổ phiếu thường	% sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	94.371.500.000	9.437.150	51,85%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	51.265.500.000	5.126.550	28,17%
Các cổ đông khác	36.363.000.000	3.636.300	19,98%
TỔNG CỘNG	182.000.000.000	18.200.000	100%

22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	VND Năm trước
Vốn cổ phần		
Vốn góp đầu năm và cuối năm	182.000.000.000	182.000.000.000
Cổ tức công bố	25.480.000.000	9.100.000.000
Cổ tức đã thanh toán	25.480.000.000	9.100.000.000

22.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000
Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

22.5 Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát

	Năm nay	VND Năm trước
Số đầu năm	359.427.734	-
Hợp nhất kinh doanh	-	323.820.200
Lợi nhuận thuần trong kỳ	18.429.052	35.607.534
Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con	(377.856.786)	-
Số cuối năm	-	359.427.734

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	1.961.400.276.558	2.120.478.937.892
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng nông sản	1.309.137.387.955	1.396.657.920.678
Doanh thu bán xe gắn máy và phụ tùng	584.205.844.300	666.010.812.036
Doanh thu khác	68.057.044.303	57.810.205.178
Các khoản giảm trừ	(1.222.389.701)	(832.753.565)
Doanh thu thuần	1.960.177.886.857	2.119.646.184.327
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng nông sản	1.308.469.527.355	1.396.253.770.740
Doanh thu bán xe gắn máy và phụ tùng	584.095.523.567	665.957.622.057
Doanh thu khác	67.612.835.935	57.434.791.530
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	1.935.338.745.457	2.102.257.134.327
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 30)	24.839.141.400	17.389.050.000

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	12.687.729.427	7.600.421.128
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.252.330.288	2.304.659.661
Cổ tức được chia	-	37.251.544
Khác	131.086.000	101.034.000
TỔNG CỘNG	16.071.145.715	10.043.366.333

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng nông sản	1.229.916.086.614	1.290.723.777.070
Giá vốn bán xe gắn máy và phụ tùng	529.869.553.001	606.839.275.107
Khác	46.106.763.008	42.232.849.082
TỔNG CỘNG	1.805.892.402.623	1.939.795.901.259

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	15.403.640.289	10.604.887.784
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.271.967.428	1.907.239.839
Khác	324.872.168	194.753.469
TỔNG CỘNG	18.000.479.885	12.706.881.092

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí vận chuyển	32.732.934.331	40.241.215.155
Chi phí nhân viên	30.951.789.261	29.437.465.738
Chi phí bao bì, vật liệu	22.504.781.507	22.588.677.216
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.353.705.426	22.817.784.377
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.906.592.282	2.139.979.010
Chi phí khác	6.570.288.302	6.696.422.124
TỔNG CỘNG	114.020.091.109	123.921.543.620
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	12.067.688.361	10.786.420.845
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.243.312.068	2.489.306.462
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.495.740.685	1.428.794.971
Chi phí khác	4.161.778.089	5.302.023.726
TỔNG CỘNG	19.968.519.203	20.006.546.004

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	1.789.745.875.206	1.916.024.785.901
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.556.095.657	79.895.555.050
Chi phí nhân công	50.967.223.742	51.422.519.028
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 10 và 11)	18.472.807.075	19.807.827.977
Chi phí bằng tiền khác	15.139.011.255	16.573.302.927
TỔNG CỘNG	1.939.881.012.935	2.083.723.990.883

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

28. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	9.475.193.221	8.879.845.251
Hỗ trợ nhận từ nhà cung cấp	4.101.594.772	1.429.717.501
Tiền bảo hiểm	1.481.745.000	-
Tiền hoa hồng	1.368.557.515	1.319.180.764
Lãi giao dịch mua rẻ	-	3.572.185.505
Thu nhập khác	2.523.295.934	2.558.761.481
Chi phí khác	(1.269.950.144)	(1.050.270.658)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	(807.065.109)	(601.831.390)
Chi phí khác	(462.885.035)	(448.439.268)
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	8.205.243.077	7.829.574.593

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty được hưởng ưu đãi với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế đối với hoạt động xay xát thóc lúa; đánh bóng và xuất khẩu gạo từ năm 2015 theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015.

Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN theo thuế suất phổ thông 20% trên thu nhập chịu thuế và được hưởng miễn giảm TNDN theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 trong năm 2020.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN hiện hành	5.340.952.522	6.966.995.708
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	166.624.798	57.763.824
TỔNG CỘNG	5.507.577.320	7.024.759.532

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.260.130.999	47.345.828.019
Thuế TNDN theo thuế suất phổ thông	6.051.473.454	9.469.165.604
Các khoản điều chỉnh		
Lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh, liên kết	(737.469.634)	(1.251.514.948)
Ưu đãi thuế theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP	(346.313.831)	-
Lỗ thuế mang sang	(68.543.817)	(459.741.961)
Thù lao Hội đồng quản trị	307.200.000	243.200.000
Lỗ tính thuế hoãn lại chưa được ghi nhận	234.628.322	-
Lãi từ giao dịch mua rẻ	-	(714.437.101)
Các khoản khác	66.602.826	(261.912.062)
Chi phí thuế TNDN	5.507.577.320	7.024.759.532

29.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận thuế tài sản TNDN hoãn lại với biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Dự phòng trợ cấp thôi việc	643.063.903	873.772.124	(230.708.221)	(50.150.001)
Chênh lệch tỉ giá	757.769	421.734	336.035	(7.613.823)
Khác	382.635.677	318.888.289	63.747.388	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	1.026.457.349	1.193.082.147		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(166.624.798)	(57.763.824)

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Angimex – Kitoku	Công ty liên doanh	Bán hàng nông sản	24.839.141.400	17.389.050.000
		Nhận chia cổ tức	928.800.000	1.743.750.000
		Cho thuê kho	699.958.800	953.244.200
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – An Giang	Công ty liên kết	Nhận chia cổ tức	2.765.390.533	2.703.421.902
Công ty Cổ phần Dược phẩm Lâm Đồng	Có chung thành viên quản lý chủ chốt	Mua hàng nông sản	118.641.862	382.933.860

Các khoản phải thu bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

			VND	
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn				
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – An Giang	Công ty liên kết	Bán hàng nông sản	-	5.475.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty TNHH Angimex - Kitoku	Công ty liên doanh	Bán hàng nông sản	-	889.950.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Docimexo	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	528.874.000	528.874.000

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	4.358.083.000	2.788.003.685

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê các cửa hàng tại Tỉnh An Giang theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê trong tương lai của các khoản thuê hoạt động tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	3.773.052.055	779.033.562
Từ 1 đến 5 năm	1.588.585.616	19.536.164.383
TỔNG CỘNG	5.361.637.671	20.315.197.945

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

- Lương thực: kinh doanh trong nước và xuất khẩu gạo, mua bán lương thực và thực phẩm; và
- Xe gắn máy: kinh doanh xe gắn máy, phụ tùng và cung cấp dịch vụ bảo trì.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

32. THÔNG TIN BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	VND			
	Lương thực	Xe gắn máy và dịch vụ liên quan	Khác	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020				
<i>Doanh thu</i>				
Doanh thu khách hàng bên ngoài	1.308.469.527.355	584.095.523.567	67.612.835.935	1.960.177.886.857
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>				
Kết quả của bộ phận	78.553.440.741	54.225.970.566	21.506.072.927	154.285.484.234
Chi phí không phân bổ				(133.988.610.312)
Thu nhập tài chính				16.071.145.715
Chi phí tài chính				(18.000.479.885)
Lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh, liên kết				3.687.348.170
Lợi nhuận khác				8.205.243.077
Lợi nhuận trước thuế				30.260.130.999
Thuế TNDN hiện hành				(5.340.952.522)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(166.624.798)
Lợi nhuận sau thuế trong năm				24.752.553.679
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020				
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>				
Tài sản của bộ phận	281.290.788.540	134.623.288.011	7.211.789.994	423.125.866.545
Tiền và tương đương tiền				108.240.348.675
Đầu tư tài chính ngắn hạn				164.750.000.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn				48.898.555.148
Tài sản không phân bổ				13.590.921.155
Tổng tài sản				758.605.691.523
Nợ phải trả của bộ phận	6.347.088.124	30.725.795.472	4.091.304.740	41.164.188.336
Vay ngắn hạn				273.889.500.000
Nợ phải trả không phân bổ				4.605.898.039
Tổng nợ phải trả				319.659.586.375

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

32. THÔNG TIN BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

	VND			
	Lương thực	Xe gắn máy và dịch vụ liên quan	Khác	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019				
<i>Doanh thu</i>				
Doanh thu khách hàng bên ngoài	1.396.253.770.740	665.957.622.057	57.434.791.530	2.119.646.184.327
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>				
Kết quả của bộ phận	105.874.143.608	58.800.967.511	15.175.171.949	179.850.283.068
Chi phí không phân bổ				(143.928.089.624)
Thu nhập tài chính				10.043.366.333
Chi phí tài chính				(12.706.881.092)
Lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh, liên kết				6.257.574.741
Lợi nhuận khác				7.829.574.593
Lợi nhuận trước thuế				47.345.828.019
Thuế TNDN hiện hành				(6.966.995.708)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(57.763.824)
Lợi nhuận sau thuế trong năm				40.321.068.487
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019				
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>				
Tài sản của bộ phận	305.941.275.555	127.817.709.291	33.493.005.494	467.251.990.340
Tiền và tương đương tiền				37.378.388.934
Đầu tư tài chính ngắn hạn				194.705.824.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn				48.905.397.511
Tài sản không phân bổ				23.820.514.460
Tổng tài sản				772.062.115.245
Nợ phải trả của bộ phận	15.063.078.419	13.038.774.497	-	28.101.852.916
Vay ngắn hạn				269.489.539.962
Nợ phải trả không phân bổ				33.107.170.898
Tổng nợ phải trả				330.698.563.776

33. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ		
- USD	1.200	133.922

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

34. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Bảng biểu sau đây thể hiện dữ liệu được dùng để tính lãi trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.734.124.627	40.285.460.953
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(1.000.000.000)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	24.734.124.627	39.285.460.953
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	18.200.000	18.200.000
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND) (Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu)	1.359	2.159

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2019 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Số 202/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2020 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2020 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

35. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.


 Tôn Văn Chí
 Người lập


 Trần Thị Cẩm Châm
 Kế toán trưởng


 Trần Hoàng An
 Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2021



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Hoàng An